

# **THÉP DANA – Ý**

**" NGƯỜI BẠN SONG HÀNH CÙNG NHỮNG  
CÔNG TRÌNH CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ "**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA – Ý**

**Địa chỉ** : Đường 11B KCN Thanh Vinh – P.Hòa Khánh  
Bắc – Q.Liên Chiểu – TP. Đà Nẵng

**Điện thoại** : (0236) 3841000 – 3841966

**Fax** : (0236) 3730718 – 3732508

**Email** : [dny@thepdana-y.com](mailto:dny@thepdana-y.com)

**Website** : [www.thepdana-y.com](http://www.thepdana-y.com)



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP DANA - Ý**

**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN**

**2017**



# MỤC LỤC

## Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

## Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

## Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

## Đánh giá của Hội đồng quản trị

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính



## HUỲNH VĂN TÂN

### CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa Quý cổ đông!

Năm 2017 đánh dấu chặng đường 10 năm phát triển của Công ty Cổ phần Thép Dana-Ý, một chặng đường không dài nhưng đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng cán bộ, công nhân viên Công ty cũng như người dân Đà Nẵng. Nhân dịp này chúng ta cùng nhìn về chặng đường đã qua và tin tưởng vào sự phát triển bền vững trong những năm tới. Tiếp nối thành tựu của Công ty Thanh Lợi, Công ty Cổ phần Thép Dana-Ý ra đời trong xu hướng phát triển chung của nền kinh tế Thép Dana - Ý hãnh diện tạo nên một nét văn hóa đẹp trong doanh nghiệp mà ở đó niềm tin, sự đồng lòng đã đưa Dana - Ý phát triển không ngừng.

Từ một doanh nghiệp với số vốn điều lệ ban đầu 150 tỷ đồng cùng với lực lượng lao động còn hạn chế trong giai đoạn nắm giữ hệ thống sản xuất sản lượng đạt 60.000 tấn năm và chỉ với một chủng loại thép cuộn D6-D8. Đến nay, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý đã sở hữu dây chuyền sản xuất hiện đại với tổng tài sản lên tới 2.205 tỷ đồng có khả năng sản xuất đa dạng, linh hoạt các chủng loại thép xây dựng với công suất 250.000 tấn / năm, đảm bảo công ăn việc làm thường xuyên cho hơn 900 lao động, đáp ứng cơ bản những nhu cầu của thị trường thép khu vực và trở thành Công ty hàng đầu tại khu vực Miền Trung.

Trung thành với cam kết ban đầu, Dana - Ý đã vượt qua những khó khăn thách thức duy trì mức tăng trưởng đều đặn hàng năm ở mức tăng trưởng lợi nhuận gộp trung bình từ năm 2013 đến năm 2017 là 6,06%, đảm bảo duy trì mức cổ tức hợp lý cho các cổ đông từ thời khi thành lập đến nay trung bình đều đặn ở mức khoảng 10% từ năm 2010 đến nay.

Hướng tới sự phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý liên tục cập nhật áp dụng công nghệ mới, đầu tư nâng cấp dây chuyền sản xuất theo chiều sâu tiệm cận với thiết bị và công nghệ hiện đại bậc nhất đang được áp dụng tại các nước tiên tiến trên thế giới. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn cho các cổ đông, đến nay tổng giá trị đầu tư bằng nguồn vốn tự có đạt gần 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận chưa phân phối còn lại đạt gần 98 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017 và thành tích đó thật sự đáng được ghi nhận.

Sự kiên định trong mục tiêu, sự linh hoạt trong điều hành và tinh thần lao động hết mình của toàn thể cán bộ Công nhân Công ty đã đem lại những thành quả tốt đẹp, đặc biệt trong năm 2017 Công ty đã đạt mức cao về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận: Sản lượng phôi thép và thép xây dựng đạt 387.174 tấn giảm 8,26% so năm 2016, tuy nhiên doanh thu đạt 2.336 tỷ đồng tăng 9,77% so năm 2016; Lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ đồng, tăng gần gấp 4 lần so với cùng kỳ năm 2016. Đây là tín hiệu minh chứng cho sự phát triển ổn định của Thép Dana - Ý.

Không chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh, Dana - Ý duy trì thường xuyên các hoạt động xã hội, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa và coi đó là nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động của Công ty nói riêng và của cộng đồng nói chung. Chỉ tính riêng năm 2017 và nhân dịp Tết cổ truyền năm Đinh Dậu Công ty đã tham gia các hoạt động mang tính nhân đạo, thiết thực dành cho nhiều đối tượng khác nhau. Đối với nguồn lao động bên trong, Công ty phối hợp với công đoàn duy trì chương trình xây nhà tình nghĩa cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong Công ty nhằm hỗ trợ, giúp người lao động yên tâm làm việc hết mình cho lợi ích chung của Công ty. Đối với xã hội và nhân dân địa phương Công ty duy trì chương trình viết tiếp ước mơ nhằm giúp đỡ các em học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ cho hơn 300 hộ nghèo tại xã Hòa Liên trong dịp Tết, ngoài ra Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động có ý nghĩa khác với tổng chi phí hơn 1.195 tỷ đồng trong năm 2017.

Bước vào năm 2018, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn đầu tư tiếp tục chảy mạnh sau một loạt chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển ngành thép tiếp đón nhận những tín hiệu tích cực; dự báo tăng trưởng thép xây dựng đạt

vào khoảng 10%. Cùng với thông điệp mạnh mẽ từ chính phủ "**KỶ CƯƠNG, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ HIỆU QUẢ HÃY HÀNH ĐỘNG VÀ HÀNH ĐỘNG MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT HƠN ĐỂ CHỚP LẤY THỜI CƠ, ĐÃ NÓI LÀ LÀM VÀ LÀM NGAY**" sẽ tạo luồng sinh khí mới cho Thép Dana - Ý.

Hội đồng quản trị Thép Dana - Ý chủ trương tiếp tục ổn định tổ chức, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tham mưu phối hợp chặt chẽ với các đối tác và hệ thống phân phối của Công ty. Điều hành linh hoạt và có những chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn; tăng cường công tác nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật – công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường; Tăng cường nghiên cứu mở rộng thị trường, tiếp cận các thị trường ngoài khu vực truyền thống; quan tâm hơn nữa công tác đào tạo nhân lực tiếp cận ứng dụng kỹ thuật số trong sản xuất – kinh doanh làm tiền đề tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của sản phẩm thép.

Với truyền thống văn hóa và kinh nghiệm tích lũy được trong những năm qua Thép Dana - Ý tin tưởng sẽ hoàn thành tốt các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đáp ứng kỳ vọng của các cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân.

Thay mặt hội đồng quản trị, tôi kêu gọi toàn thể người lao động đoàn kết một lòng, tập trung trí tuệ và tình yêu lao động phát huy sức mạnh tập thể đưa Thép Dana - Ý bước sang một giai đoạn mới thành công rực rỡ.

Xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của toàn thể cổ đông, cảm ơn sự giúp đỡ của các cấp chính quyền đoàn thể và xin hứa luôn luôn là người đại diện trung thành của quý vị.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**HUỲNH VĂN TÂN**

## SỨ MỆNH

Cung cấp cho thị trường những sản phẩm thép Dana – Ý chất lượng cao, giá cả hợp lý, mang lại giá trị gia tăng cho đối tác. Tạo việc làm ổn định cho người lao động, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, góp phần xây dựng đất nước.



---

# THÉP DANA



## TẦM NHÌN


Hướng đến sự phát triển bền vững, xứng đáng là một trong những công ty đầu ngành sản xuất thép tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Từng bước mở rộng thị trường miền Bắc và miền Nam, tăng cường xuất khẩu nhằm đa dạng hóa thị trường, phòng ngừa rủi ro trước những biến động của nền kinh tế.



## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty cho rằng sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng là phần thưởng, là giá trị lớn nhất đối với sự cố gắng nỗ lực không ngừng của Công ty trong thời gian qua. Sản phẩm Thép DANA – Ý đã trở thành một phần không thể thiếu trong các Công trình xây dựng.

Đối với Thép DANA – Ý, mỗi công trình là một niềm tin.



**DANA-Ý**



# Thông tin chung



# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✚ Thông tin chung
- ✚ Quá trình hình thành và phát triển
- ✚ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✚ Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ✚ Định hướng phát triển
- ✚ Các rủi ro

## THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty	:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP DANA - Ý</b>
Tên tiếng Anh	:	DANA – Y STEEL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	DNY
Vốn điều lệ	:	269.995.170.000 đồng (Hai trăm sáu mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	:	Đường số 11B, Khu công nghiệp Thanh Vinh, Phường Hoà Khánh Bắc Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	:	(0236) 3 841 182 – 3 841 000
Fax	:	(0236) 3 730 718
Website	:	<a href="http://www.thepdana-y.com">www.thepdana-y.com</a>
Giấy CNĐKKD	:	Số 0400605391 (số cũ là 3203001911) đăng ký lần đầu ngày ngày 27/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 07 ngày 13/03/2014.
Mã chứng khoán	:	<b>DNY</b>





*Tổng quan Công ty*





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Năm 2008

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý là một phần của Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi. Năm 2008, Công ty Cổ phần Thép Thành Lợi quyết định chuyển cơ sở sản xuất thép số 4 để thành lập Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng - Ý. Tại thời điểm thành lập Công ty có vốn điều lệ là 150 tỷ đồng với sự tham gia góp vốn thành lập của 87 nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.



## Năm 2013

Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 200.000.000.000 VNĐ lên 269.995.170.000 VNĐ thông qua hình thức phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

## Năm 2010

Công được Ủy Ban chứng khoán nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng kể từ ngày 22/02/2010. Cũng trong năm 2010, vốn điều lệ của Công ty được nâng lên mức 200 tỷ đồng, tạo nền tảng mở rộng quy mô sản xuất, tăng trưởng thị phần.



## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng

Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép

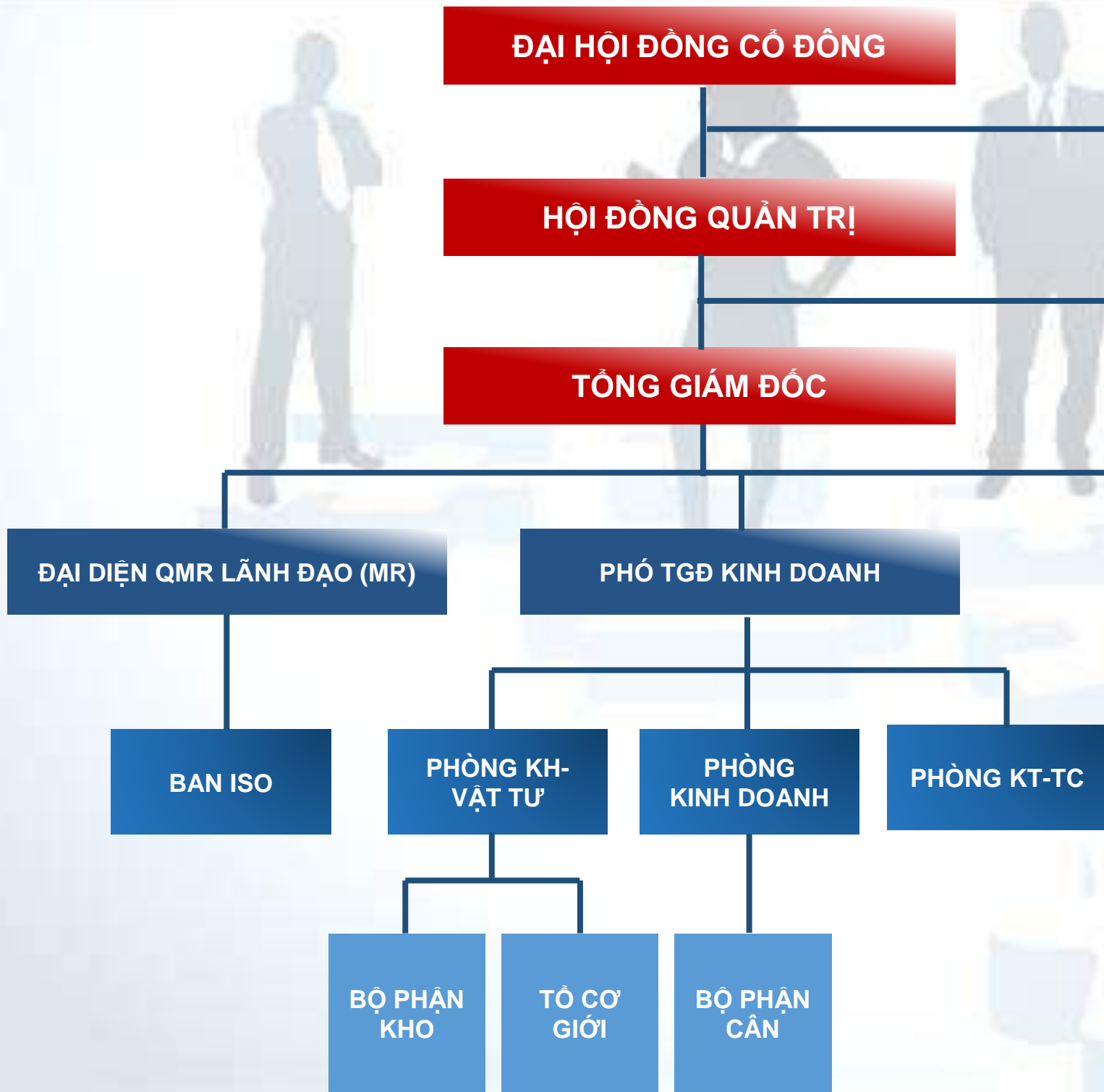
Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp

Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại











MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

PHÓ TGĐ KỸ THUẬT SẢN XUẤT

PHÒNG CƠ –  
KỸ THUẬT

PHÒNG ĐIỆN

VĂN PHÒNG

NHÀ MÁY SỐ 1

NHÀ MÁY SỐ 2

XƯỞNG  
PHÔI 1

XƯỞNG  
CBN  
LIỆU

XƯỞNG  
CÁN 1

XƯỞNG  
CÁN 3

XƯỞNG  
PHÔI 2

XƯỞNG  
OXY

XƯỞNG  
CÁN 2

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nâng cao tính chuyên nghiệp của bộ phận tham mưu, quản trị tài chính, nhân sự, linh động trong công tác lập kế hoạch sản xuất và cung ứng vật tư; từ đó đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chủ động trong công tác tuyển dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công việc nhằm đối phó kịp thời những tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động, bên cạnh đó, Công ty còn tích cực tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ cho cả Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên góp phần tạo nền tảng để hoàn thành tốt mục tiêu đặt ra, đồng thời nắm bắt tình hình của Công ty đề ra kế hoạch định hướng phát triển bền vững.

Nhằm giữ vững vị thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt hiện nay của ngành thép, Công ty đẩy mạnh nâng cấp cải tiến kết hợp với bảo trì thường xuyên hệ thống máy móc thiết bị phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh.

Chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới nhưng vẫn đảm bảo những tính năng và chất lượng với công trình xây dựng.

Giám sát chặt chẽ quy định thực hiện bảo hộ lao động nhằm đảm bảo an toàn tối đa cho người lao động. Ngoài ra, Công ty còn định hướng thực hiện cải tiến máy móc nhằm hạn chế sức người tham gia vào một số khâu sản xuất, điều này không những giúp duy trì ổn định chất lượng công việc mà còn hạn chế những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người lao động.



## Các mục tiêu phát triển bền vững

Thực hiện đầy đủ và minh bạch các quy định trả lương, thưởng cho người lao động có đóng góp vì sự phát triển của Công ty. Bên cạnh việc đáp ứng lịch nghỉ lễ, Tết Công ty còn thực hiện trích thưởng nhằm tạo không khí và góp phần hỗ trợ phần nào trong chi phí sinh hoạt cho người lao động.

Tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng trong công việc, đồng thời nắm bắt kỹ kiến thức và thực hành phòng cháy chữa cháy, nhất là người lao động tham gia vào khâu sản xuất.

Hưởng ứng các chương trình vì cộng đồng bằng cách thực hiện đóng góp, ủng hộ các vùng bị bão, lũ lụt nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái; trao học bổng cho học sinh vượt khó có gia đình khó khăn góp phần tạo động lực cho trẻ em có điều kiện được tiếp tục đến trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng quan tâm kịp thời đến những hoàn cảnh gia đình công nhân, cán bộ nhân viên trong Công ty gặp khó khăn nhằm có kế hoạch hỗ trợ kịp thời, giúp người lao động vượt qua khó khăn sớm quay lại công việc.

Là Công ty hoạt động chuyên về lĩnh vực sản xuất kinh doanh sắt thép có tác động mạnh đến môi trường xung quanh. Do đó, Công ty chịu sự quản lý chặt chẽ của Bộ Tài nguyên và Môi trường về vấn đề xử lý các yếu tố gây ô nhiễm môi trường như bụi, chất thải rắn, tiếng ồn, v.v.... Cụ thể, Công ty đã thực hiện những biện pháp xử lý chất thải rắn trước khi đưa ra môi trường thông qua các đơn vị được cấp sử dụng các loại chất thải rắn này, đồng thời bảo trì liên tục hệ thống lọc khói để giảm thiểu tối đa lượng khói độc hại thải ra môi trường. Định kỳ kiểm tra các chỉ số liên quan đến khí thải để xác định mức độ ảnh hưởng trong quá trình sản xuất đến đời sống người lao động và người dân xung quanh khu vực hoạt động của Công ty.



## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê cho thấy tình hình kinh tế năm 2017 của Việt Nam có sự tăng trưởng đáng kể xuất phát từ ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ, nông lâm và thủy sản. Bên cạnh những chính sách mở cửa giao thương thị trường giữa nước ta với các nước khác thông qua việc tham gia các Tổ chức hay ký kết các hiệp định như Tổ chức thương mại Quốc tế (WTO), Hiệp định thương mại Tự do (FTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và tạo Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), v.v... đã nhiều cơ hội về mọi mặt của nền kinh tế trong nước phát triển. Tuy nhiên, quá trình hội nhập cũng tạo ra nhiều thách thức và khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam về vị thế cạnh tranh chất lượng, giá cả sản phẩm, công nghệ, v.v... Do đó, để hạn chế những khó khăn này, các nước đều có xu hướng gia tăng điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống phá giá, chống trợ cấp, tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam. Điều này, đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp thép xuất khẩu ra thị trường ngoại.

ra, khi tham gia vào FTA có loại thuế được cắt giảm theo cam kết trước đó đã ảnh hưởng lớn đến ngành thép trong nước (do phải dần gỡ bỏ các hàng rào thuế bảo hộ trong nước, điều này tạo áp lực lên các doanh nghiệp nội địa cạnh tranh với các cường quốc về ngành thép như Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, v.v...), đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp. Đồng thời, trong năm tình hình thép trong nước xuất khẩu tăng nhưng vẫn duy trì nhập khẩu, nguyên nhân là do chuỗi giá trị ngành thép chưa hoàn thiện nên mới chỉ đáp ứng đủ nhu cầu thép xây dựng, thép cán nguội, ống thép, v.v... nên vẫn phải nhập khẩu rất nhiều dòng sản phẩm thép như thép cuộn cán nóng, thép chế tạo, v.v...; giá thép thế giới phục hồi mạnh gây sức ép đến chi phí hoạt động và gây ảnh hưởng không nhỏ đến các kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong ngành. Nắm bắt được tình hình trên, Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý cùng với những doanh nghiệp trong nước đã tiếp tục áp dụng những cơ chế, chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, quy định quản lý về chất lượng, giá cả thép trong nước và thép nhập khẩu, giám sát chặt chẽ khâu xuất khẩu để giảm thời gian và chi phí của các doanh nghiệp tạo động lực cho ngành thép trong nước phát triển bền vững và đủ sức cạnh tranh. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang tập trung cải tiến công nghệ và dây chuyền sản xuất, tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu mới để giảm thiểu tối đa chi phí hoạt động của Công ty.



## Rủi ro luật pháp

Là công ty hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, cổ phiếu được niêm yết ở Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế và các văn bản liên quan khác. Đồng thời, ngành thép được duyệt vào danh sách những ngành công nghiệp ưu tiên phát triển trong quyết định số 55/2007/QĐ – TTg, ưu tiên phát triển thành ngành kinh tế mạnh trong quyết định 694/QĐ – BTC. Sự phát triển hoạt động sản xuất của ngành thép gây áp lực rất lớn đến vấn đề bảo vệ môi trường như đất, nước, tiếng ồn, không khí. Vấn đề này được các cơ quan cả trong và ngoài nước quan tâm, trong năm 2017 một số văn bản luật nước ta đã có sự thay đổi, bổ sung, hoàn thiện nhằm phù hợp với tình hình phát triển của Việt Nam, do đó phần nào ảnh hưởng đến các chính sách và kế hoạch hoạt động phát triển bền vững của Công ty. Để hạn chế được những tình huống phát sinh mang tính pháp lý, Công ty đã thực hiện cập nhật liên tục điều chỉnh linh động kế hoạch, chính sách để phù hợp với tình hình chung. Đồng thời, chủ động cập nhật kịp thời những chính sách và thông lệ Quốc tế nhằm điều chỉnh phương pháp sản xuất và bán hàng hợp lý khi ngành thép Việt Nam đang có triển vọng hội nhập với thị trường toàn cầu.



### Rủi ro lãi suất

Với đặc thù của ngành thép cần nhiều vốn để duy trì hoạt động sản xuất nên Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính khá nhiều. Do vậy, bất kỳ sự biến động lãi suất trên thị trường đều ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và gây tác động không nhỏ đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2017, với tình hình lạm phát cơ bản giảm ở mức 1,3%, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong tháng 7 đã cắt giảm lãi suất tái chiết khấu, tái cấp vốn 25 điểm tương ứng với 4,25 và 6,25%, hình thành mức lãi suất ổn định, là cơ hội cho các doanh nghiệp tăng vốn vay. Trong năm, Chính phủ chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước nới chỉ tiêu tín dụng tăng và tính đến cuối năm đạt ở mức 19%. Tăng tín dụng với mức lãi suất được điều chỉnh ở mức ổn định đã tạo thuận lợi lớn cho nhà đầu tư, các doanh nghiệp vay vốn nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng lại tiềm ẩn nhiều rủi ro như khả năng phân bổ tín dụng kém chất lượng cũng như dẫn đến tình trạng nợ xấu. Với tình hình hoạt động sử dụng nợ vay nhiều, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình diễn biến của lãi suất, dự báo và đưa ra kế hoạch phù hợp với tình hình thị trường. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ tỷ lệ lãi vay ở mức an toàn, đồng thời chủ động theo dõi và điều chỉnh dòng tiền để đảm bảo khả năng trả nợ vay.



## Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu đầu vào

Thép phế, than và điện là nguyên vật liệu đầu vào chính của ngành thép, trong đó thép phế chiếm 90%, tỷ lệ nguyên liệu này nhập khẩu chiếm 70% - 80%, điện là 6%, dầu FO là 3%. Nguồn nguyên liệu đầu vào không đáp ứng đủ nên tỷ lệ nhập khẩu nguyên liệu còn cao, trong khi, công nghệ sản xuất trong nước được đầu tư cải thiện năng suất. Đồng thời, đứng trước tỷ lệ nguyên liệu nhập cao, các doanh nghiệp đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tình trạng này như tích cực sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước tuy nhiên nguồn cung trong nước chưa đủ so với nhu cầu; ngoài ra Công ty còn sử dụng nguồn của những mỏ mới trong năm như mỏ quặng sắt Thank Khê nhưng dự án mới đang gặp nhiều vấn đề trong hoạt động, ảnh hưởng lớn đến môi trường, v.v...

Nắm bắt được những vấn đề mà nguồn nguyên liệu trong nước gặp phải, đồng thời kiểm soát hạn chế được tối đa chi phí trong hoạt động, Công ty tích cực theo dõi giá thị trường trong và ngoài nước, tính toán kỹ lưỡng chi phí và số lượng khi ký hợp đồng để vẫn đảm bảo được sản phẩm thép đầu ra về chất lượng và nguồn cung cho thị trường. Ngoài ra, Công ty còn nghiên cứu tìm kiếm thị trường mới để có nguồn nguyên liệu chất lượng và giá cả hợp lý. Cùng với đó, Công ty cũng dự báo và lên kế hoạch, áp dụng các chính sách thích hợp trong việc quản lý hàng tồn kho để đáp ứng linh hoạt nhu cầu. Điều này, giúp Công ty đạt được các mục tiêu đề ra từ đầu năm.





## Rủi ro cạnh tranh

Tình hình nhập khẩu thép trong năm 2017 giảm, nguyên nhân là do giảm thị phần thép cuộn cán cuộn, thép tấm cán nguội do có nhà máy ở Việt Nam sản xuất được thay cho việc nhập khẩu (Formosa Hà Tĩnh), đồng thời tiếp tục áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số mặt hàng thép đã giúp giảm sản lượng nhập khẩu thép. Nhưng đối với sản phẩm thép xây dựng và các sản phẩm thép khác, các doanh nghiệp cũng đang phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà sản xuất trong và ngoài nước trong việc duy trì thị phần. Nhiều dự án mới đi vào hoạt động, nhưng nguồn cung không đủ phải tiến hành nhập khẩu đã tạo cơ hội cho thép ngoại vào thị trường Việt Nam, đặc biệt nguồn thép Trung Quốc với giá rẻ cạnh tranh với giá thép Việt Nam vẫn còn ở mức cao. Điều này đã làm cho thép trong nước tiêu thụ khó khăn, một số đơn vị phải liên tục giảm giá để giữ vững thị trường.



Để duy trì lợi thế cạnh tranh và đặc biệt là yếu tố chi phí sản xuất, Công ty đã đầu tư vào công nghệ sản xuất tiên tiến, sản xuất thép chất lượng cao, tiết kiệm vật tư, chi phí sản xuất luôn thấp hơn dây chuyền thông thường khác tối thiểu 10%. Thực hiện mạng lưới bảo dưỡng máy móc, thiết bị vững mạnh nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất được diễn ra liền mạch, cung cấp kịp thời nhu cầu của khách hàng mang lại uy tín, chất lượng đến với từng công trình xây dựng.



## Rủi ro môi trường

Ngành công nghiệp sản xuất thép tiềm ẩn tác động lớn về việc sản sinh chất độc hại cho môi trường, mỗi công đoạn đều phát sinh các chất thải (rắn, khí, bụi,...) gây ô nhiễm môi trường nếu không xử lý. Do đó, các công ty hoạt động bên lĩnh vực này đều bị quản lý chặt chẽ về vấn đề và ý thức bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Nắm bắt được những ảnh hưởng của việc sản xuất thép đến môi trường, Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sử dụng công nghệ đúc - cán liên tục đạt chuẩn Quốc tế mang đến những đảm bảo về môi trường, tiết kiệm vật tư, v.v... Do đó, để hạn chế những ảnh hưởng tác hại đến môi trường xung quanh trong quá trình sản xuất thép, Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý đã thực hiện nghiên cứu tìm kiếm công nghệ xử lý chất thải đạt hiệu suất cao nhất. Đồng thời, Công ty chú trọng bảo trì, sửa chữa kịp thời hệ thống máy móc bị lỗi, đã giúp Công ty cải thiện tốt tình trạng xả chất thải ra môi trường trong năm. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực tuyên truyền nâng cao ý thức cho cán bộ công nhân viên trong việc bảo vệ môi trường. Chính sự quan tâm và chú trọng toàn diện các mặt của môi trường, đã giúp hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Dana Ý diễn ra liên tục, tạo uy tín lớn cả trong và ngoài nước.

## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên, thì công nghiệp sản xuất thép còn bị tác động mạnh mẽ bởi các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, khủng bố,.... Những ảnh hưởng này, mang đến thiệt hại về tài sản, con người, nền kinh tế của trong và ngoài nước. Đây là những rủi ro xuất phát từ nguyên nhân khách quan nên Công ty luôn chủ động phòng ngừa, xây dựng các giải pháp ứng phó kịp thời nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.



# Tình hình hoạt động sản xuất trong năm



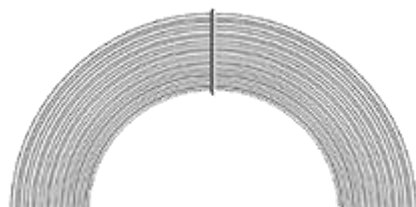
# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✦ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✦ Tổ chức và nhân sự
- ✦ Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- ✦ Tình hình tài chính
- ✦ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH
- ✦ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội

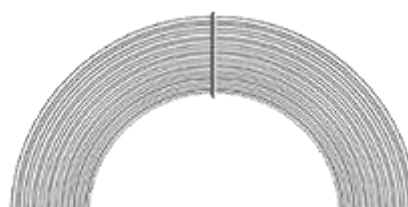


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Năm 2017 qua đi với bao sóng gió trên chiến trường quốc tế đặc biệt nổi bật với chính sách nước Mỹ trên hết của Tổng thống Mỹ, tham vọng dẫn đầu của Trung quốc và nỗ lực lấy lại hình ảnh của Nga sau hiện tượng Brexit tại Châu Âu, v.v... đã gây nên những biến động bất ổn trên các lĩnh vực kinh tế chính trị toàn cầu, tạo nên làn sóng biến động giá cả, gây khó khăn cho việc hoạch định chính sách của các doanh nghiệp. Cụ thể:

- ✓ Quặng sắt : Đầu năm 2017 83,5 USD/tấn biến động liên tục theo xu hướng giảm còn 74 -76 USD vào tháng 1 năm 2018, giảm 16,5% so với năm 2017.
- ✓ Than mỡ luyện cốc 211\$ tăng 15%; Than cốc 304,16 \$ tăng 35%.
- ✓ Điện cực tăng mạnh có lúc đạt 30.000 \$/tấn sau đó giảm dần hiện còn 10.000 - 13.000 \$/tấn so với 3.000 \$ các năm trước.
- ✓ Thép phế liệu trên thị trường thế giới liên tục tăng từ đầu năm: Giá thép phế đầu năm 250-255\$/t Đạt mức 358\$/t vào tháng 7 năm 2017 và tiếp tục tăng đến 390\$/t vào 7/1/2018 tăng 47% so với đầu năm.



- ✓ Phôi thép tăng theo đà tăng của thép phế: Đầu năm khoảng 410\$/tấn đạt đỉnh vào tháng 9 ( 540-550\$/tấn; cuối năm xuống còn 500-505\$/tấn tăng 22,4% so với đầu năm.

Trong năm 2017, ngành thép Việt Nam đã phải đối mặt với 124 vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài, trong đó có 30 vụ kiện liên quan đến ngành thép và Việt Nam phải sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ sản xuất trong nước. Tuy nhiên, nhờ chính sách điều hành hiệu quả của Chính phủ, quyết tâm cải cách hệ thống ngân hàng tạo nhiều thông thoáng cho các doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, đã duy trì sự ổn định kinh tế trong nước với mức tăng GDP đạt 6,81%- mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây - thị trường bất động sản phục hồi ngoạn mục, ngành xây dựng tăng trưởng tới 8,7%. Cùng chính sách bảo hộ thương mại cương quyết và đúng đắn qua quyết định 2968 ngày 18/7/2016 với mức thuế phòng vệ là 23,3% đối với phôi thép và 15,4% với thép dài và các quyết định khác liên quan đến thép hình tôn mạ màu, v.v... đã dựng nên những điều kiện tiên quyết cho thắng lợi của ngành thép năm 2017.



Sản lượng phối toàn ngành năm 2017 đạt 11,5 triệu tấn tăng 47,2% so với năm 2016.

Thép xây dựng sản xuất 9.924.000 tấn tăng 14,6% so năm 2016; tiêu thụ 9.827.000 tấn tăng 13,8% so năm 2016. Đây là tốc độ tăng trưởng cao so các năm trước.

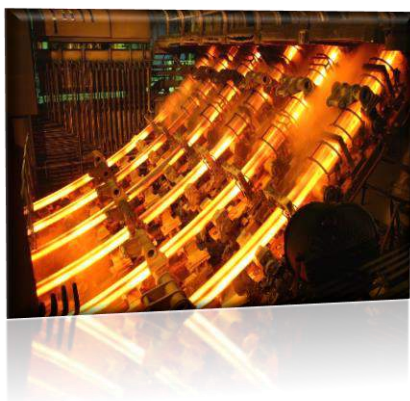
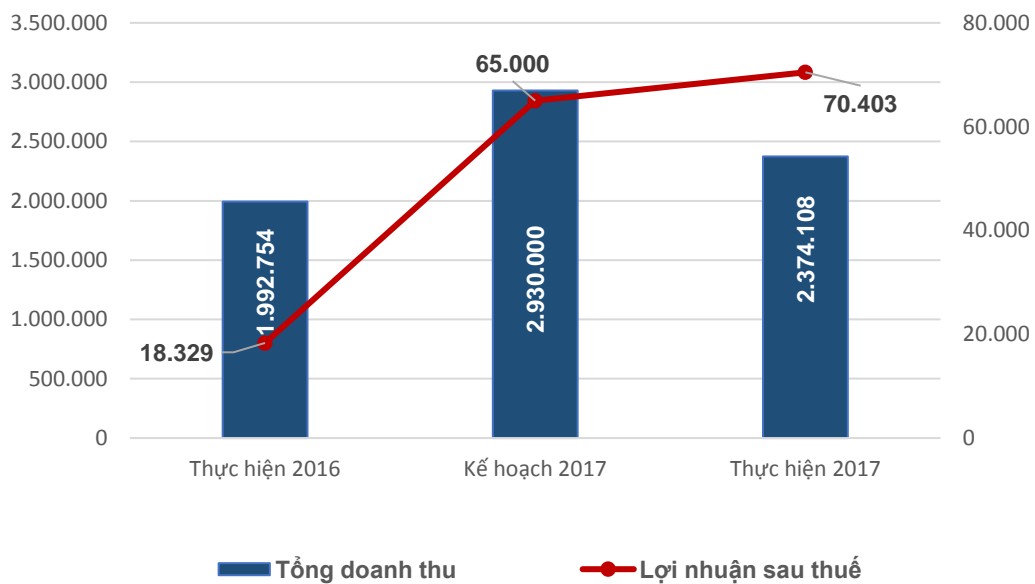
Giữ vững quan điểm “**SẢN XUẤT AN TOÀN - ĐẦU TƯ VỮNG CHẮC - HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI**” DANA – Ý tận dụng mọi cơ hội phát huy năng lực sẵn có , điều hành linh hoạt, động viên toàn lực đạt kết quả sản xuất kinh doanh với hiệu suất cao. Cụ thể, sản lượng sản xuất được trong năm 2017 là:

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Số lượng sản xuất	Số lượng tiêu thụ
1	Phôi thép	Tấn	221.682	55.904
2	Thép	Tấn	165.493	153.143
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tấn</b>	<b>387.175</b>	<b>209.047</b>



## Hiệu quả hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% So với KH 2017	% So với TH 2016
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.993	2.930	2.374	81,03%	119,14%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.329	65.000	70.403	108,31%	384,11%



Năm 2017 là năm đánh dấu sự tăng trưởng trở lại của nền kinh tế thế giới, trong đó phải kể đến tín hiệu phục hồi tích cực của kinh tế Việt Nam thể hiện qua kinh tế tăng trưởng cao nhất trong 10 năm trở lại với GDP đạt 6,81% vượt kế hoạch do Quốc hội đề ra, vốn đầu tư nước ngoài được giải ngân đạt kỷ luật là 17,5 tỷ USD, kim ngạch thương mại tăng cả về xuất và nhập khẩu, v.v... Bên cạnh đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục duy trì là ngành chủ lực, mang đến triển vọng giúp ngành thép có cơ hội mở rộng quy mô, sản lượng. Điều này đã đóng góp lớn vào khả năng cải thiện, nâng cao chất lượng sản phẩm, vị thế cạnh tranh nhằm giữa thép nội và thép ngoại trong năm 2017.

Ngoài ra, Chính phủ tiếp tục hỗ trợ đưa ngành thép trở thành ngành kinh tế mạnh trong năm 2017. Cụ thể, Chính phủ cấm xuất khẩu quặng sắt và áp dụng thuế tự vệ đối với phôi thép và thép dài nhập khẩu, đã tác động mạnh đến tình hình nhập khẩu thép giá rẻ của Trung Quốc vào

thị trường Việt Nam, mức thuế chống bán phá giá được áp dụng tăng vọt từ 4,02% lên 38,34% tạo rào cản lớn đối với sản phẩm thép nhập khẩu và lợi thế cho các doanh nghiệp trong nước. Thêm vào đó, thị trường bất động sản và xây dựng phục hồi trở lại đã đánh dấu cơ hội mới cho các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý nói riêng có sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2017.

Cụ thể, tính đến cuối năm 2017 tổng doanh thu của Công ty đạt 2.374 triệu đồng, tăng 19,14% so với cùng kỳ năm 2016, lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ, tăng 8,31% so với kế hoạch và tăng gấp 4 lần so với năm 2016. Kết quả hoạt động cho thấy, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn kết hợp với cơ hội từ thị trường phục hồi của Ban lãnh đạo và sự phối hợp làm việc hết mình của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã đóng góp lớn vào sự phát triển trong năm 2017 và kế hoạch tăng trưởng bền vững trong tương lai.





**TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**



**ÔNG HUỖNH VĂN TÂN**

Chức vụ : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn : Ngành cơ khí

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ : 5%

**Quá trình công tác:**

Từ năm 2007 : Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Dana-Ý, Chủ tịch HĐQT CTCP Thép Thành Lợi

Từ năm 1991 đến năm 2007 : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Thép Thành Lợi.



## ÔNG NGUYỄN CHÍ KIÊN

**Chức vụ** : Phó Chủ tịch HĐQT

**Năm sinh** : 1952

**Trình độ chuyên môn** : Trung cấp công an nhân dân

**Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ** : 0,21%

### Quá trình công tác:

**Từ năm 2009 đến nay** : PTGD công ty CP đầu tư Thành Lợi.

**Từ năm 2005 đến năm 2008** : Giám đốc công ty thủy sản KV2, PGD thủy sản Vân Nam, kiêm bí thư chi bộ, thuộc Đảng ủy khối Doanh nghiệp.

**Từ năm 1986 đến năm 2004** : Trưởng phòng vật tư công ty thủy sản KV2.

**Từ năm 1975 đến năm 1986** : Trung úy An ninh nhân dân (B2) Công an tỉnh QNDN.

**Từ năm 1968 đến năm 1975** : Tham gia hoạt động cách mạng.

## ÔNG HỒ NGHĨA TÍN

**Chức vụ** : Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

**Năm sinh** : 1957

**Trình độ chuyên môn** : Kỹ sư chế tạo máy

**Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ** : 1,2 %

### Quá trình công tác:

**Từ năm 2007 đến năm 2008** : Phó trưởng phòng Đào tạo và chuẩn bị sản xuất Ban Quản lý Dự án nhà máy Lọc dầu Dung Quất

**Từ năm 1992 đến năm 2006** : Quyền Trưởng phòng kỹ thuật, trưởng phòng kế hoạch vật tư, Phó Giám đốc kinh doanh kiêm phó Ban quản lý dự án đầu tư, Tổng Giám đốc Công ty Thép Đà Nẵng - Bí thư Đảng ủy Công ty thép Đà Nẵng.

**Từ năm 1990 đến năm 1992** : Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Lâm sản Xuất khẩu Đà Nẵng.

**Từ năm 1982 đến năm 1989** : Cán bộ giảng dạy Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Xưởng trưởng Xưởng Cơ khí trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng. Thành viên HĐQT Công ty PORTSERCO-DN.



## BÀ PHAN THỊ THẢO SƯƠNG

Chức vụ : Thành viên HĐQT (kiêm Phó Tổng Giám đốc)

Năm sinh : 1965

Trình độ chuyên môn : Tài chính Ngân hàng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ : 16,05%

### Quá trình công tác:

Từ năm 2008 : Phó TGD CTCP Thép Dana-Ý

Từ năm 2000 : Công tác tại CTCP Thép Thành Lợi

## ÔNG PHAN XUÂN THIỆN

Chức vụ : Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1967

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây Dựng

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ : 0,05%



**Thay đổi Ban điều hành :**

Năm 2017, không có thay đổi về nhân sự Ban điều hành.



## Thông kê lao động

Phân loại lao động	Năm 2017	
	Số lượng	Tỷ trọng
<b>Theo trình độ</b>		
Đại học và trên đại học	57	6,87%
Cao đẳng	70	8,43%
Khác	703	84,70%
<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>		
Hợp đồng có xác định thời hạn	33	3,98%
Hợp đồng không xác định thời hạn	749	90,24%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	48	5,78%
<b>Tổng cộng</b>	<b>830</b>	<b>100,00%</b>



## Chính sách người lao động

Thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển mạnh mẽ đã hình thành và phát triển nền công nghệ kỹ thuật tiên tiến, góp phần hỗ trợ giảm sức người lao động, đảm bảo tính đồng nhất và chất lượng của sản phẩm, đáp ứng kịp thời sản lượng cung ứng thị trường. Tuy nhiên, thời đại của máy móc công nghệ tiên tiến không thể thay thế hoàn toàn vai trò của người lao động trong một số khâu sản xuất như vận hành, kiểm soát quản lý. Do vậy, dù cải tiến hệ thống máy móc hiện đại nhất nhưng Công ty vẫn luôn quan tâm và đặt lợi ích của người lao động lên hàng đầu, bởi tầm có ảnh hưởng mạnh của vấn đề này đến sự phát triển bền vững của Thép Dana Ý. Công ty luôn chú trọng đến công tác đào tạo và nâng cao kiến thức cho toàn thể đội ngũ cán bộ công nhân viên, phối hợp tìm kiếm và tuyển dụng nguồn lao động mới với nguyên tắc công khai, không phân biệt vùng miền, ưu tiên người có kỹ năng cơ bản và kinh nghiệm trong ngành nhằm mang đến lực lượng lao động có kiến thức và chất lượng cho Công ty.



Ngoài ra, nhằm tạo mối liên kết và sự hợp tác lâu dài với người lao động trên nguyên tắc công bằng và minh bạch, Công ty thực hiện đầy đủ chế độ lương, thưởng theo đúng quy định của Luật Lao động do Nhà nước ban hành. Cụ thể, Công ty áp dụng chi trả lương theo cấp bậc, lương làm thêm giờ, lương theo thời gian gắn bó, mức độ đóng góp, v.v... trong quá trình hoạt động nhằm mang lại không khí và động lực nơi làm việc. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện lương thưởng cho cá nhân có đóng góp ý kiến mang lại ý nghĩa thiết thực nhằm khuyến khích sự sáng tạo vì sự phát triển hơn nữa của Công ty ở hiện tại và trong tương lai.



## Chế độ làm việc



Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức đào tạo, tập huấn định kỳ nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về các yếu tố trong công việc ảnh hưởng đến sức khỏe cho người lao động, thắt chặt việc thực hiện đầy đủ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, tổ chức khám định kỳ nhằm phát hiện bệnh kịp thời và đưa ra giải pháp hỗ trợ người lao động.

Ngoài công tác hỗ trợ, đảm bảo an toàn thì Công ty còn thực hiện tốt việc khuyến khích 100% người lao động tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty còn tạo điều kiện giúp mọi người được giao lưu, tạo mối quan hệ khăng khít trong môi trường công việc với việc thông qua tổ chức các chuyến dã ngoại, tổ chức ngày hội thi đua giữa các nhóm ngay tại Công ty, v.v...

Công ty áp dụng khung thời gian làm việc theo đúng quy định của Luật Lao động là 8 tiếng/ngày. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng mang đến không khí làm việc trong lành, thoáng mát nhằm tạo ra khuôn viên hài hòa, hạn chế áp lực, cùng với đó Công ty còn tích cực tuyên truyền nội quy, văn hóa Công ty đến với tất cả mọi người.

Công ty còn đảm bảo các nguyên tắc công bằng, an toàn trong môi trường làm việc như đưa ra chính sách phân bổ công nhân làm theo ca, vị trí công việc phù hợp cho từng đối tượng, v.v...



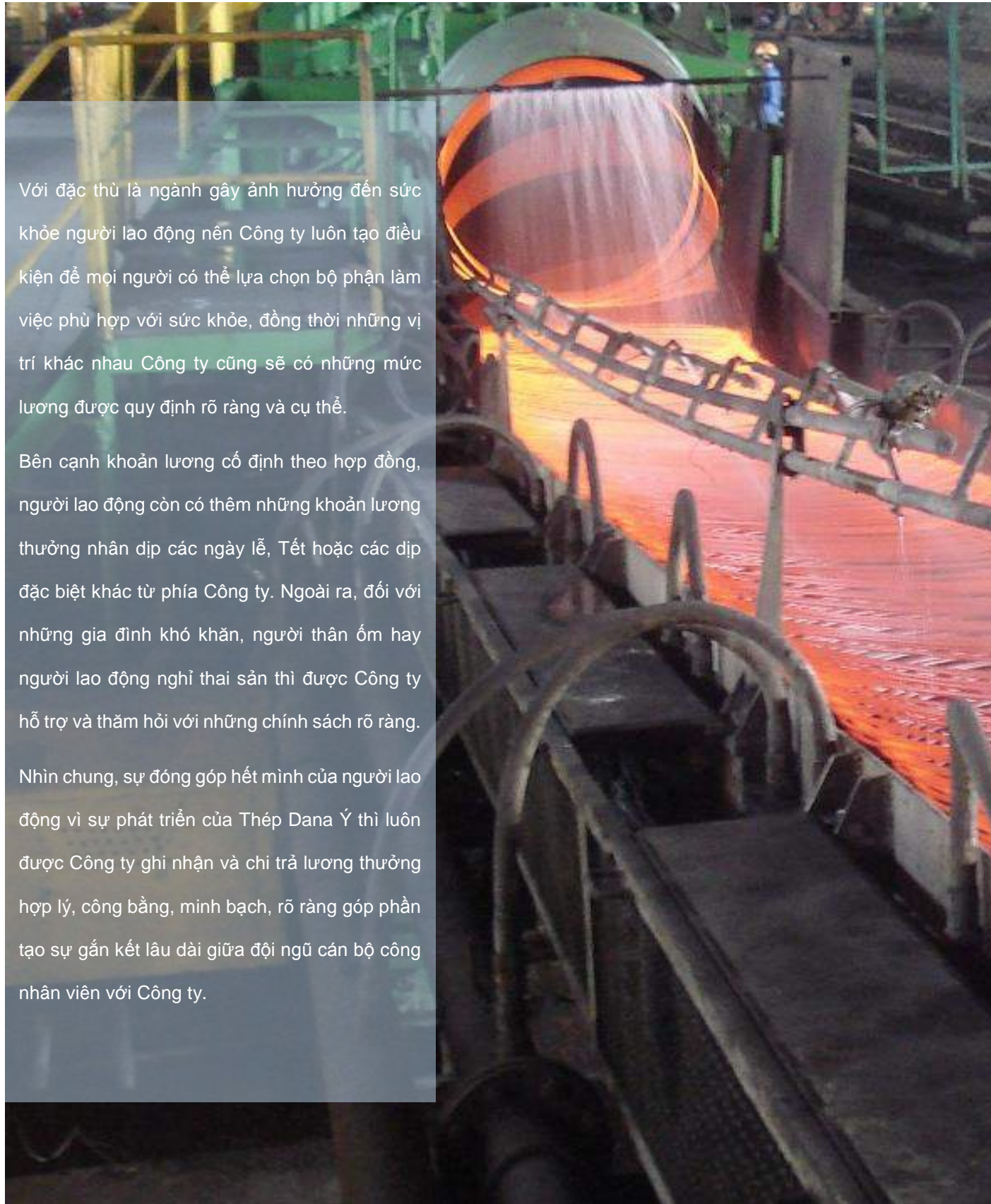


## Chính sách trợ cấp

Với đặc thù là ngành gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động nên Công ty luôn tạo điều kiện để mọi người có thể lựa chọn bộ phận làm việc phù hợp với sức khỏe, đồng thời những vị trí khác nhau Công ty cũng sẽ có những mức lương được quy định rõ ràng và cụ thể.

Bên cạnh khoản lương cố định theo hợp đồng, người lao động còn có thêm những khoản lương thưởng nhân dịp các ngày lễ, Tết hoặc các dịp đặc biệt khác từ phía Công ty. Ngoài ra, đối với những gia đình khó khăn, người thân ốm hay người lao động nghỉ thai sản thì được Công ty hỗ trợ và thăm hỏi với những chính sách rõ ràng.

Nhìn chung, sự đóng góp hết mình của người lao động vì sự phát triển của Thép Dana Ý thì luôn được Công ty ghi nhận và chi trả lương thưởng hợp lý, công bằng, minh bạch, rõ ràng góp phần tạo sự gắn kết lâu dài giữa đội ngũ cán bộ công nhân viên với Công ty.





## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

### Tình hình đầu tư vào dự án

Sau khi hoàn thành công tác đầu tư dây chuyền cán thép số 3 theo công nghệ hàn phối liên tục của tập đoàn DANIELI đến từ châu Âu, Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp dây chuyền luyện – cán thép số 2 theo công nghệ đúc – cán liên tục một dòng cũng do tập đoàn DANIELI cung cấp; đồng thời đầu tư mới hệ thống lò luyện trung tần 12 tấn thay thế cho hệ thống lò luyện cũ của dây chuyền số 1, đầu tư thêm 02 bộ lò trung tần 30 tấn, cải tạo dây chuyền cán thép số 1 và đầu tư thêm 01 hệ thống hút bụi mới cho dây chuyền sản xuất số 1. Đến nay, công tác đầu tư, nâng cấp đã vào giai đoạn cuối, chuẩn bị đưa vào vận hành, sản xuất thử.

### Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty duy trì khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải PST với mức góp vốn 20%, tương đương 1,6 tỷ đồng để làm đối trọng với các đơn vị vận tải nguyên liệu cho Công ty.



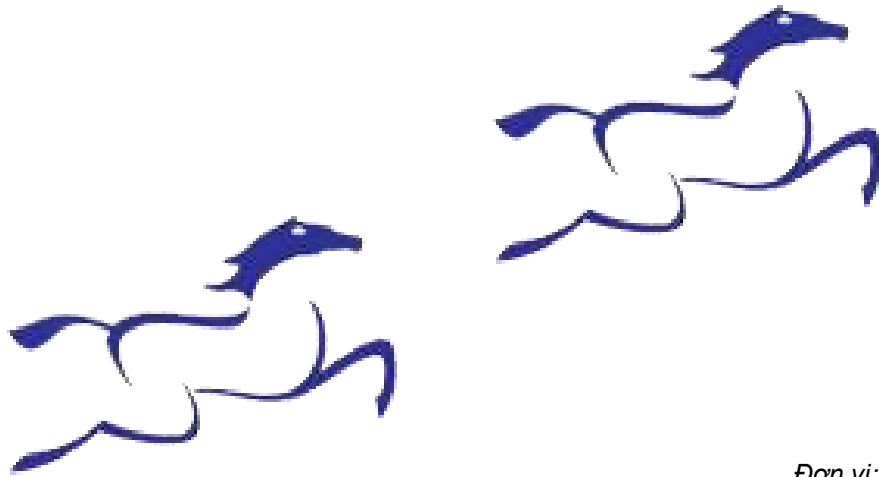
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Năm 2017 là năm tăng trưởng mạnh mẽ của ngành thép, nhờ sự tác động tích cực của nền kinh tế thế giới đến tình hình hoạt động trong nước, cộng thêm sự phục hồi khả quan của thị trường bất động sản, xây dựng đã tạo cơ hội tăng trưởng đáng kể cho lĩnh vực vật liệu xây dựng. Ngoài ra, ngành thép còn được Nhà nước định hướng trở thành ngành kinh tế mạnh của nước ta trong thời gian sắp tới, do đó vẫn tiếp tục được Chính phủ hỗ trợ biện pháp phòng vệ giá thép trong năm 2017 đã giúp thị trường thép nội địa sôi nổi và cải thiện rõ rệt trên phương diện vị thế cạnh tranh. Cụ thể, nhập khẩu thép từ Trung Quốc giảm 33% về số lượng nhưng chỉ giảm 5% về trị giá đối với ngành thép trong nước nói chung và Công ty Cổ phần Thép Dana – Ý nói riêng.

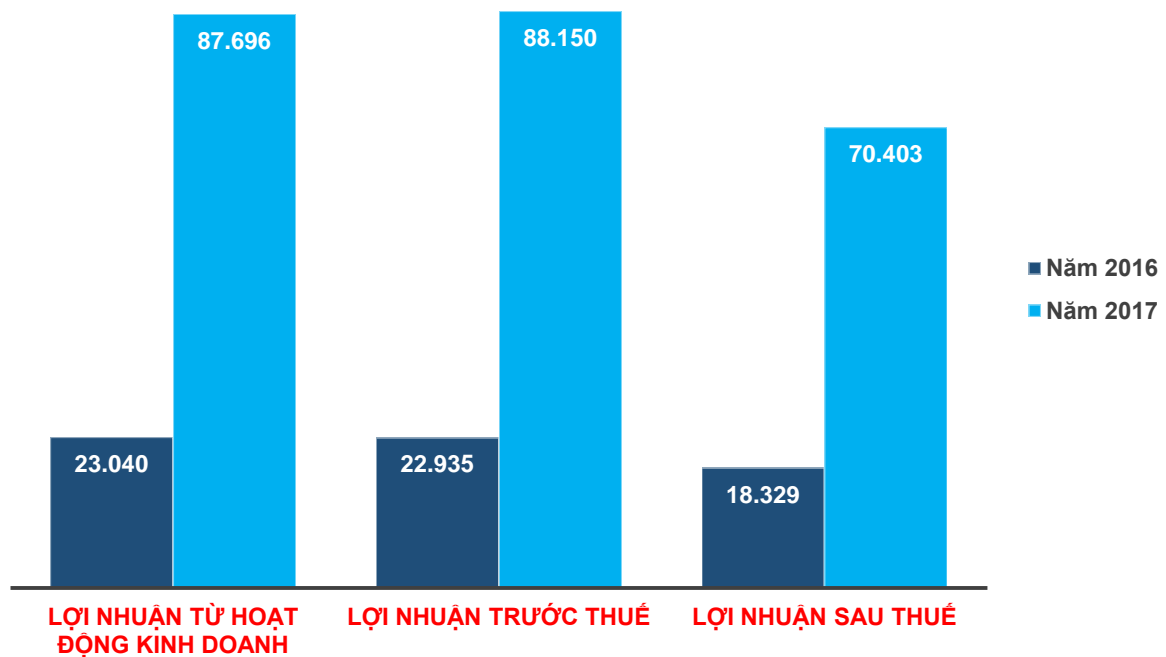
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	2.321.560	2.205.499	-5,00%
2	Doanh thu thuần	1.985.847	2.365.987	19,14%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.040	87.696	280,63%
4	Lợi nhuận khác	-104	454	-
5	Lợi nhuận trước thuế	22.935	88.150	284,35%
6	Lợi nhuận sau thuế	18.329	70.403	284,11%





Đơn vị: Triệu đồng



Tính đến cuối năm 2017, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của Thép Dana Ý đạt 2.366 tỷ đồng, tăng tương ứng 19,14% so với cùng kỳ năm 2016, kết hợp với chính sách đúng đắn, kế hoạch phù hợp với tình hình thị trường đã giúp lợi nhuận ròng trong quá trình hoạt động được cải thiện đáng kể đạt hơn 70 tỷ đồng, tăng gần gấp 4 lần so với cùng kỳ năm 2016. Kết quả này cho thấy, sự lãnh đạo hiệu quả của Ban điều hành kết hợp với sự nỗ lực làm việc hết mình của đội ngũ cán bộ công nhân viên, cùng với chính sách hoạt động được đề ra đã cải thiện đáng kể công suất của nhà máy, đồng thời duy trì và thực hiện triển vọng mở rộng thị phần phân phối cho sản phẩm Thép Dana -Ý trong năm 2017 và tương lai.



## Các chỉ số tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017
<b>I Khả năng thanh toán</b>					
1	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,188	0,193	0,184
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,010	1,009	1,032
<b>II Cơ cấu vốn</b>					
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	85,55%	85,01%	82,34%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	591,84%	567,18%	466,33%
<b>III Vòng quay hoạt động</b>					
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,59	1,70	2,12
2	Vòng quay tài sản	Vòng	0,75	0,83	1,05
<b>IV Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>					
1	LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,36%	0,77%	3,11%
2	LNST/Doanh thu thuần	%	0,48%	0,92%	2,98%
3	LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu BQ	%	2,30%	5,20%	19,09%
4	LN HĐKD/ Doanh thu thuần	%	0,38%	1,16%	3,71%







## Khả năng thanh toán

Tính đến ngày 31/12/2017, hệ số thanh toán nhanh giảm so với cùng kỳ năm 2016 nhưng ảnh hưởng không mạnh đến tình hình thanh toán trong năm của Công ty, cụ thể khả năng thanh toán nhanh đạt 1,184 lần, giảm 4,69% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do trong năm các khoản mục tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho và nợ ngắn hạn đồng loạt giảm, ngoài ra tốc độ giảm của nợ ngắn hạn (- 6,24%) nhanh hơn tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn (- 4,06%). Điều này cho thấy hệ số thanh toán ngắn hạn tăng bởi hệ số này không chịu tác động của hàng tồn kho, đồng thời các khoản tương đương tiền tăng nhờ vào việc Công ty tăng khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 1 tháng vào thời điểm cuối năm đã góp phần làm chậm tốc độ giảm của tổng tài sản ngắn hạn trong năm 2017. Đồng thời, nợ ngắn hạn giảm mạnh tập trung ở khoản vay nợ thuê tài chính ở Ngân hàng Agribank - chi nhánh Đà Nẵng, ngân hàng BIDV – chi nhánh Hải Vân, ngân hàng TMCP Phương Đông – chi nhánh Trung Việt đã làm khả năng thanh toán ngắn hạn tăng trong năm. Do đó, yếu tố làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán nhanh giảm chủ yếu xuất phát từ hàng tồn kho giảm, cụ thể giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do thị trường bất động sản và xây dựng phục hồi đã giúp thị trường vật liệu xây dựng sôi động trở lại, góp phần làm hàng tồn kho giảm đã làm cho khả năng thanh giảm nhẹ.



Đơn vị: Lần



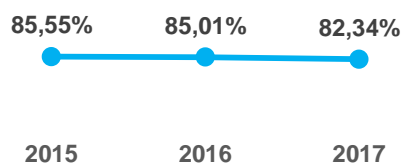
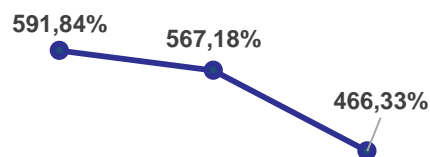
2015 2016 2017

—●— Khả năng thanh toán nhanh

—●— Khả năng thanh toán hiện hành



### Cơ cấu vốn



- Hệ số Nợ/Tổng tài sản
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu

Cơ cấu tài sản trong những năm gần đây, cho thấy Công ty có xu hướng sử dụng đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên, các hệ số về cơ cấu vốn của Công ty đang có xu hướng giảm nhẹ thể hiện qua nợ giảm, nguồn vốn tự có được cải thiện. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản là 82,34% giảm 2,67% so với cùng kỳ năm 2016, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 466,33% giảm 100,85% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do: Với hệ số nợ trên tổng tài sản thì hai khoản mục này đều giảm đồng thời trong năm, tuy nhiên tốc độ giảm của tổng tài sản (- 5%) nhanh hơn tốc độ giảm của nợ phải trả (-7,96%), tập trung giảm mạnh ở khoản vay nợ tài chính ngắn và dài hạn. Ngoài ra, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cũng giảm mạnh nguyên nhân là do nợ phải trả có xu hướng giảm nhưng vốn chủ sở hữu lại tăng khoảng 41 tỷ do tập trung vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng.

Kết quả trên cho thấy, dù Công ty có cơ cấu nguồn vốn tập trung vào nợ lớn nhưng luôn được kiểm soát hiệu quả, đồng thời việc này còn mang đến lợi thế từ tầm chắn thuế nhằm giảm chi phí hoạt động cho Công ty, góp phần trong định hướng phát triển bền vững năm 2017 và tương lai.

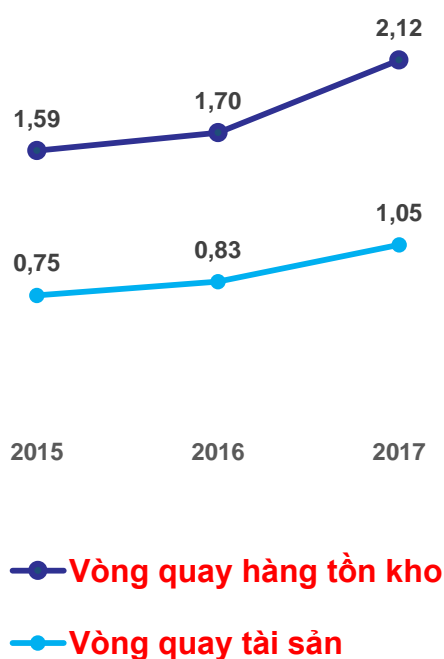


## Vòng quay hoạt động

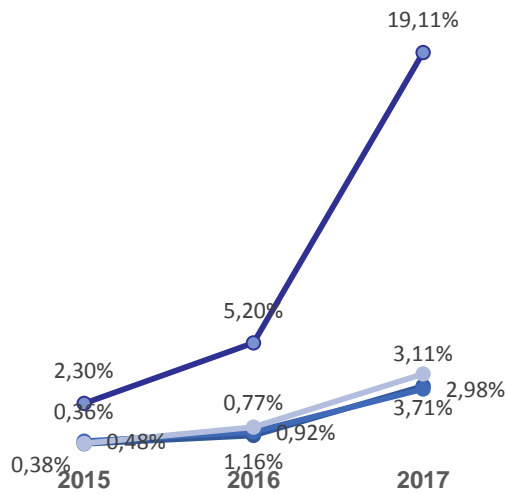
Nhìn chung năm 2017, khả năng hoạt động của Công ty được cải thiện rõ rệt, các chỉ số đều biểu hiện tốt. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho đạt 2,12 vòng tăng 0,42 vòng so với cùng kỳ năm 2016, vòng quay tài sản đạt 1,05 vòng tăng 0,22 vòng so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do tác động tích cực từ thị trường bất động sản và xây dựng đã giúp tình hình tiêu thụ số lượng thép tăng mạnh làm giảm hàng tồn kho trong năm 2017. Đồng thời, Công ty còn chú trọng đến chất lượng sản phẩm và năng suất thể hiện qua giá vốn hàng bán đạt 313 tỷ đồng tăng 16,77%, một phần cũng nhờ vào hệ thống máy móc, thiết bị được giám sát và bảo trì kỹ lưỡng góp phần đảm bảo năng suất sản xuất, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường với giá cả và chất lượng phù hợp.

Ngoài ra, hệ số vòng quay tài sản tính đến cuối năm 2017 cũng thể hiện tín hiệu khả quan do tổng tài sản có xu hướng giảm từ năm 2016 đến 2017, ngược lại doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh lại tăng cũng do những yếu tố tích cực từ thị trường kết hợp với những chính sách, kế hoạch đúng đắn và phù hợp với yêu cầu của thị trường đã góp phần tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2017, là nền tảng tăng trưởng vững chắc cho những năm tiếp theo.

Đơn vị: Vòng



### Khả năng sinh lời



- **LNST/Tổng tài sản bình quân**
- **LNST/Doanh thu thuần**
- **LNST/Nguồn vốn chủ sở hữu BQ**
- **LN HKKD/ Doanh thu thuần**

Nhìn chung, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến cuối năm 2017 được cải thiện mạnh mẽ với sự tác động tích cực của thị trường, đồng thời, bên cạnh chính sách đúng đắn của Ban lãnh đạo của Công ty, còn đóng góp tinh thần làm việc hết mình vì lợi ích chung của Thép Dana - Ý từ cán bộ công nhân viên. Cụ thể, các hệ số thể hiện khả năng sinh lời tăng trưởng đáng kể như ROA đạt 3,11% tăng 2,34% so với cùng kỳ năm trước, ROE đạt 19,09% tăng 13,89% và chỉ số này được các nhà đầu tư rất quan tâm, sự tăng trưởng đều từ năm 2015 đến 2017 đã tạo thuận lợi để thu hút vốn đầu tư. Ngoài ra, hệ số lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần cũng có mức tăng trưởng tốt, chứng tỏ chính sách điều hành hoạt động của Công ty đúng đắn và nắm bắt kịp thời tình hình thị trường, thể hiện qua chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng, cho thấy trong năm Công ty đã nâng cấp, mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm đồng thời xây dựng và tuyển dụng đội ngũ lao động chất lượng góp phần tạo dựng mô hình hoạt động vững chắc.





## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

### Cổ đông

#### Thông tin cổ phần

Tổng số cổ phần	26.999.517 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần đang lưu hành	26.999.517 cổ phần
Số lượng cổ phiếu quỹ	0 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu không có

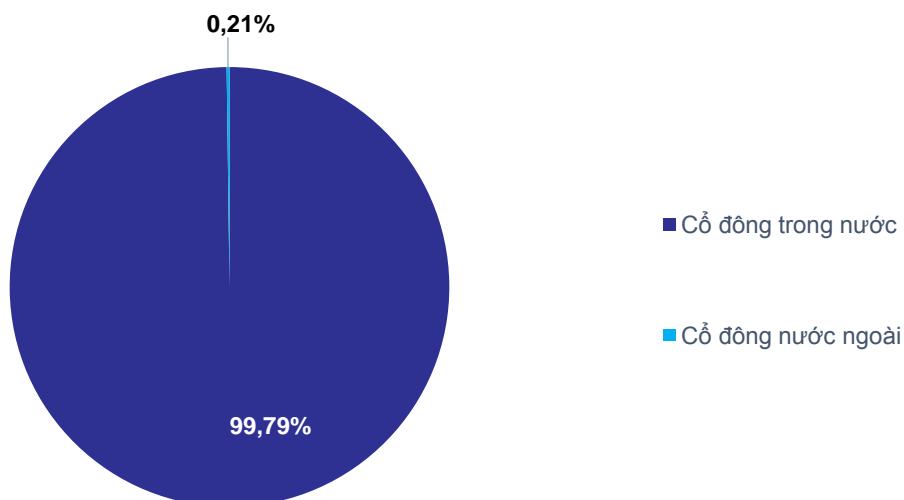
Giao dịch cổ phiếu quỹ không có



### Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) cổ đông
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>434</b>	<b>26.942.579</b>	<b>99,79%</b>
1	Cá nhân trong nước	410	16.080.646	59,56%
2	Tổ chức trong nước	24	10.861.933	40,23%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6</b>	<b>56.938</b>	<b>0,21%</b>
1	Cá nhân	4	3.647	0,01%
2	Tổ chức	2	53.291	0,20%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>440</b>	<b>26.999.517</b>	<b>100,00%</b>

### Cơ cấu cổ đông





**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**







## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm tình hình giá nguyên liệu đầu vào có sự tăng trưởng đáng kể, do đó để đảm bảo tình hình hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo đã lên kế hoạch rõ ràng nhằm mang lại sự rõ ràng, phù hợp trong quá trình quản lý và thực hiện, đồng thời kết hợp với việc nghiên cứu thị trường. Cụ thể, phân phối giá trị nguồn vào cho quá trình sản xuất như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Sản lượng cán 1 (thép thanh vân phi 10 -12)	Kg	38.157.285
Sản lượng cán 2 (thép thanh vân phi 16-32)	Kg	71.769.965
Sản lượng cán 3 (thép cuộn phi 6 - 8)	Kg	55.565.679
Sản lượng phôi 1 (phôi thép 120x120x6000mm)	Kg	92.833.740
Sản lượng phôi 2 (phôi thép 120x120x6000mm)	Kg	128.847.855
Thép phế liệu	Kg	232.747.158
Nguyên vật liệu FERRO SILIC	Kg	75.670
Nguyên vật liệu FERRO MANGAN	Kg	326.080
Nguyên vật liệu FERRO SILICON MANGAN	Kg	1.190.700





Thị trường thép Việt Nam đang bị cạnh tranh mạnh bởi các nước mạnh về sản xuất thép như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v... Do đó, để duy trì vị thế trên thị trường trong và ngoài nước, đồng thời mở thị phần phân phối, Công ty đẩy mạnh đổi mới, nâng cấp công nghệ tiên tiến đã mang đến sự tăng trưởng mạnh của ngành thép trong nước nói chung và thép Dana - Ý nói riêng.



Thép Dana - Ý hiện đang áp dụng công nghệ từ châu Âu, được thực hiện bởi tập đoàn DANIELI (chi nhánh tại Đức, Italia) – hoạt động với nguyên tắc đúc - cán liên tục, mang lại lợi ích từ việc tiết kiệm vật tư, năng lượng, nhiên liệu, đặc biệt chi phí sản xuất luôn thấp hơn dây chuyền truyền thống là 10% và còn bảo đảm môi trường. Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã tiến hành đầu tư thêm một số máy móc thiết bị. Sự kết hợp hài hòa trong quá trình sản xuất đã mang lại kết quả cải thiện trong năm 2017, đồng thời đáp ứng kịp thời nhu cầu khách quan của thị trường, sản xuất được các loại thép có chất lượng cao, thích hợp với yêu cầu của công trình ngày càng phát triển hiện nay.

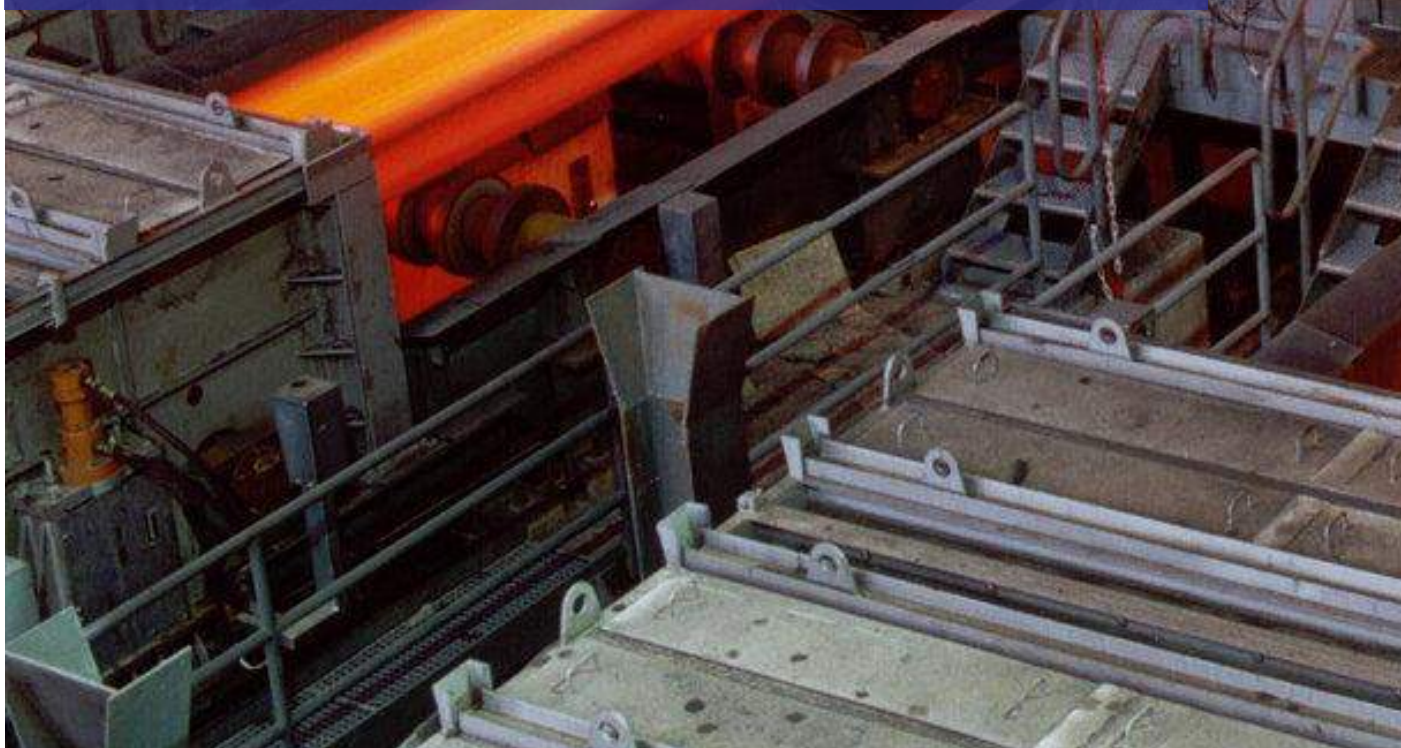


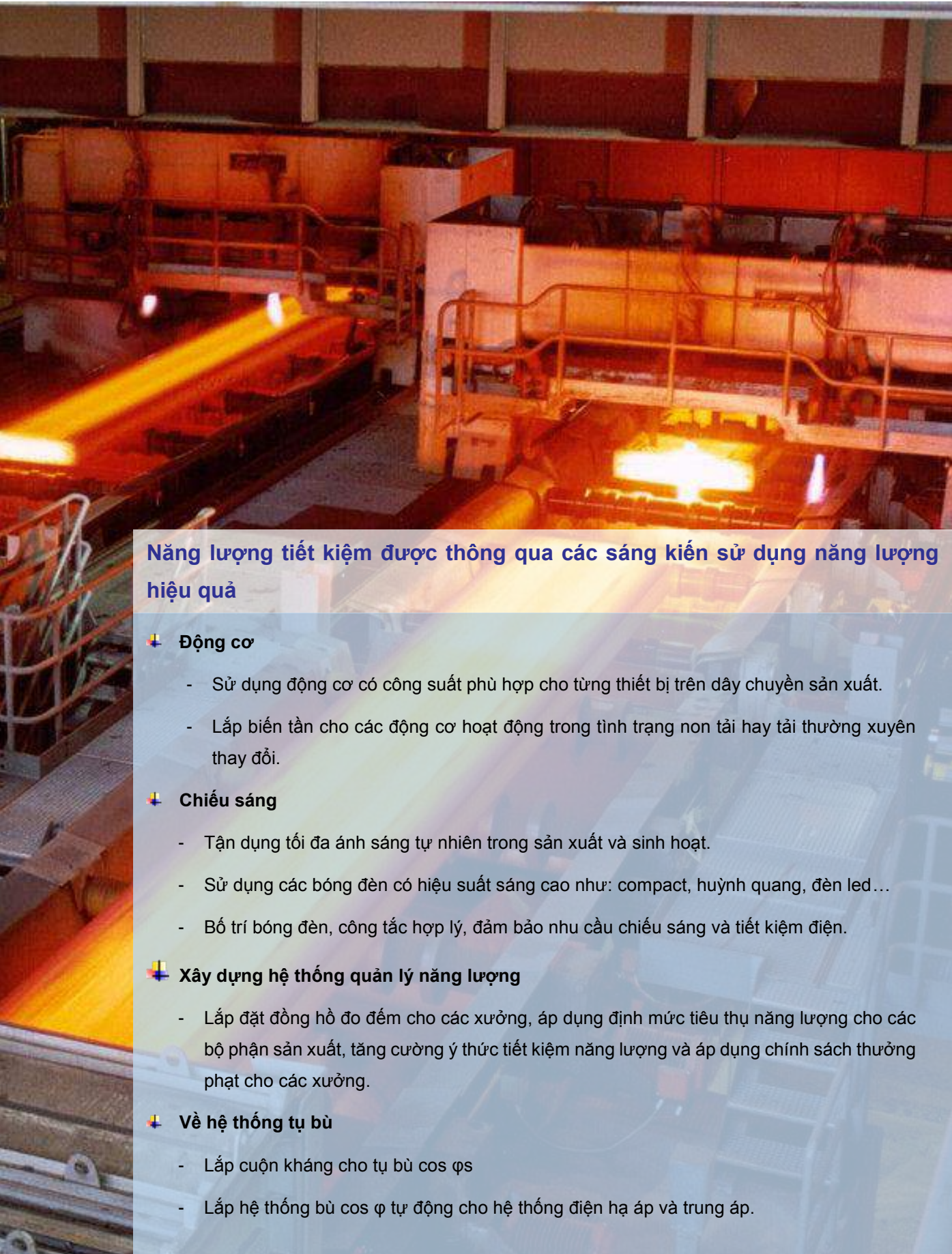
## Tiêu thụ năng lượng

### Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Năng Lượng tiêu thụ trực tiếp Điện	KWH	201.100.569
Năng Lượng tiêu thụ gián tiếp Than	TẤN	6.112
Năng Lượng tiêu thụ gián tiếp Dầu Diezen	Lít	285.920
Năng Lượng tiêu thụ gián tiếp Gas	Kg	37.192

Sử dụng công nghệ đúc - cán liên tục từ Châu Âu đã tiết kiệm hiệu quả chi phí sử dụng điện, nhiên liệu cho quá trình sản xuất đã tác động tích cực đến chính sách tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, đặc thù của ngành thép là ảnh hưởng rất lớn đến môi trường, do đó vấn đề tiết kiệm năng lượng luôn được Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo thường xuyên phổ biến đến đội ngũ cán bộ công nhân viên, đồng thời quan tâm đến các hoạt động hưởng ứng ngày vì trái đất và khuyến khích những ý kiến tiết kiệm thực tế với hoạt động của Công ty.





## Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

### ✚ Động cơ

- Sử dụng động cơ có công suất phù hợp cho từng thiết bị trên dây chuyền sản xuất.
- Lắp biến tần cho các động cơ hoạt động trong tình trạng non tải hay tải thường xuyên thay đổi.

### ✚ Chiếu sáng

- Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên trong sản xuất và sinh hoạt.
- Sử dụng các bóng đèn có hiệu suất sáng cao như: compact, huỳnh quang, đèn led...
- Bố trí bóng đèn, công tắc hợp lý, đảm bảo nhu cầu chiếu sáng và tiết kiệm điện.

### ✚ Xây dựng hệ thống quản lý năng lượng

- Lắp đặt đồng hồ đo đếm cho các xưởng, áp dụng định mức tiêu thụ năng lượng cho các bộ phận sản xuất, tăng cường ý thức tiết kiệm năng lượng và áp dụng chính sách thưởng phạt cho các xưởng.

### ✚ Về hệ thống tụ bù

- Lắp cuộn kháng cho tụ bù cos  $\varphi$
- Lắp hệ thống bù cos  $\varphi$  tự động cho hệ thống điện hạ áp và trung áp.



## Tiêu thụ nước

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Nguồn cung cấp nước: nước thủy cục	M <sup>3</sup>	40.975
Công ty có sử dụng nước qua tái chế. Tổng khối lượng nước tái sử dụng chiếm khoảng 90% tổng lượng nước sử dụng	%	90

Trong quá trình sản xuất thép, nước thường được sử dụng dùng để làm mát máy móc và làm nguội sản phẩm. Với công nghệ xử lý nước thải hiện đại và hệ thống xử lý nước bằng các bể nước tuần hoàn đã mang lại lượng nước tái sử dụng đạt được 90%.

Hiểu rõ được vấn đề bảo vệ môi trường ảnh hưởng mạnh mẽ đến các chính sách phát triển hiện tại và trong tương lai, Công ty đã và đang tiếp tục duy trì việc đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý môi trường, cải thiện về mặt chất lượng và sản lượng sản phẩm. Công ty luôn tích cực thực hiện nguyên tắc hoạt động gắn liền với lợi ích của cộng đồng xã hội, sự phát triển cũng đi cùng với việc bảo vệ môi trường.



## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hoạt động sản xuất thép mang đến tiềm năng lớn về kinh tế cho các quốc gia. Do đó, Chính phủ đã ưu tiên phát triển ngành thép trở thành ngành kinh tế mạnh ở nước ta trong những gần đây. Đồng thời, đề ra giải pháp phát triển ngành và hỗ trợ tích cực nhằm tạo điều kiện tối đa giúp các doanh nghiệp thuộc ngành thép tăng trưởng, trong đó có Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý. Tuy nhiên, với bản chất là ngành tác động lớn đến môi trường nên chịu sự giám sát chặt chẽ của các Cơ quan Tài nguyên và Môi trường nhằm kiểm soát tình trạng xả thải chất thải ra môi trường.

Nắm bắt được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường trong định hướng phát triển lâu dài,

Công ty đã luôn cố gắng hết sức nhằm hạn chế tối thiểu tác động của quá trình sản xuất đến môi trường xung quanh. Đồng thời để đảm bảo sức khỏe người lao động, Công ty đã thắt chặt việc tuân thủ thực hiện bảo hộ lao động, kết hợp nghiên cứu cải tiến hệ thống, lên kế hoạch bảo trì và định kỳ kiểm soát hệ thống cũ theo các thiết bị xử lý chất thải rắn, lỏng, khí của quá trình sản xuất thép. Điều này đã góp phần duy trì hoạt động lâu dài, nâng cao uy tín, thương hiệu với cộng đồng. Ngoài ra, Công ty chú trọng giải quyết các vấn đề môi trường liên quan đến tính pháp lý, bảo đảm hài hòa về quyền lợi giữa Công ty và nhân tố bị ảnh hưởng.





## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty luôn ý thức nghĩa vụ cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Trong năm 2017, Công ty thực hiện các hoạt động:

- ✓ Chuyển tài trợ "Viết tiếp ước mơ" : 185.000.000 đồng
- ✓ Chuyển ủng hộ hội thi "Thành phố 4 an": 10.000.000
- ✓ Chuyển ủng hộ theo thư kêu gọi: 10.000.000
- ✓ Chuyển tài trợ "mái ấm tình người" quý 1/2017 (3 số): 111.000.000
- ✓ Chi hỗ trợ Hội khuyến học Xã Hòa Liên: 26.950.000
- ✓ Chi hỗ trợ Hội khuyến học Thôn Vân Dương 1: 5.000.000
- ✓ Chuyển chi phí quảng cáo tại chương trình "Ca nhạc gây quỹ từ thiện" do Hội Từ thiện TP Đà Nẵng tổ chức: 50.000.000
- ✓ Chi hỗ trợ chương trình Văn nghệ Huyện Hòa Vang: 5.000.000
- ✓ Máy siêu âm màu model SonoAce-X6 + máy in nhiệt đen trắng Sony UP-X898 trang bị tài trợ cho Bệnh Viện Đà Nẵng HĐ 710: 287.485.714
- ✓ Chi hỗ trợ: 10.000.000
- ✓ Chi hỗ trợ đối tượng chính sách xã Hòa Liên dịp 27/7/17: 21.000.000
- ✓ Chi hỗ trợ kinh phí tổ chức văn nghệ Công Đoàn KCN: 3.000.000
- ✓ Chuyển hỗ trợ chương trình trao học bổng cho con cháu thương bệnh binh - nạn nhân chất độc da cam / Dioxin Việt Nam: 50.000.000
- ✓ Chuyển ủng hộ kinh phí sửa chữa nhà cho gia đình chính sách năm 2017: 20.000.000
- ✓ Chuyển hỗ trợ theo công văn số 181-CV/ĐU ngày 05/07/2017: 3.600.000
- ✓ Chi hỗ trợ con Anh Lê Văn Vũ ( Vân Dương 1): 20.000.000
- ✓ Chi ủng hộ Hội bảo trợ người tàn tật tp Đà Nẵng: 30.000.000
- ✓ Chuyển tài trợ chương trình "Viết tiếp ước mơ" quý 2/2017 (3 số): 111.000.000
- ✓ Chi ủng hộ "Hội người cao tuổi " thôn Vân Dương 2: 3.000.000
- ✓ Chi ủng hộ chương trình "Vui hội trăng rằm" Đoàn Thanh Niên KCN: 1.500.000
- ✓ Chuyển tài trợ chương trình "Viết tiếp ước mơ": 111.000.000
- ✓ Chuyển tài trợ chương trình "viết tiếp ước mơ" quý 4/2017: 111.000.000
- ✓ Chuyển ủng hộ: 10.000.000







**Báo cáo của  
Ban Tổng Giám đốc**



# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✦ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ✦ Tình hình tài chính
- ✦ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ✦ Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017
1	Sản xuất phôi thép	Tấn	243.424	221.682
2	Tiêu thụ phôi thép	Tấn	38.248	55.904
3	Sản xuất Thép XD	Tấn	178.608	165.493
4	Tiêu thụ Thép XD	Tấn	189.981	153.143
5	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	Triệu đồng	1.985.857	2.365.987
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.329	70.403
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	301.800	334.488
8	Thu nhập bình quân	Ngàn đồng/người	6.000	7.000

Trong năm 2017, thị trường bất động sản đánh dấu sự phục hồi trở lại đã tác động mạnh đến ngành thép trong và ngoài nước tăng trưởng tích cực. Góp phần tiêu thụ một lượng lớn hàng tồn kho. Giúp các doanh nghiệp ngành thép nói chung và Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý nói riêng tăng trưởng đáng kể về sản lượng tiêu thụ và triển vọng sẽ đẩy mạnh cải tiến máy móc. Trong năm, nhờ đẩy mạnh nâng cấp hệ thống máy móc, thiết bị và bảo trì định kỳ đã giúp tăng công suất sản xuất các loại thép, từ đó đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng đảm bảo và phù hợp với yêu cầu của những công trình trong thời đại này.

Đồng thời, mở rộng hệ thống bán hàng, nâng cấp, nhà phân phối cho sản phẩm của Công ty, góp phần giới thiệu sản phẩm đến với nhiều khách hàng hơn nữa ở hiện tại và trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn cập nhật và dự báo liên tục tình hình của thị trường giúp Công ty nắm bắt được diễn biến và ưu thế mà ngành đang có từ thị trường và các chính sách hỗ trợ của Chính phủ với ngành, vị thế của ngành với nền kinh tế trong nước, v.v... góp phần tạo động lực phát triển năm 2017.





Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện		% Thực hiện so với kế hoạch	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.400.000	2.930.000	1.992.754	2.374.108	83,0%	81%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	57.525	65.000,0	18.329	70.403	31,9%	108,3%
Sản lượng phôi thời	Tấn	300.000	300.000	243.424	221.682	81,1%	73,9%
Sản lượng cán	Tấn	250.000	250.000	209.266	165.493	83,7%	66,2%

Cập nhật và nắm bắt kịp thời tình hình của thị trường đã giúp Hội đồng quản trị kết hợp với Ban lãnh đạo đề ra kế hoạch, đồng thời vạch ra diễn biến để hình dung được kết quả đạt được nhằm có thể đưa ra chính sách và biện pháp một cách linh hoạt và thiết thực nhất. Với chính sách hoạt động tuân thủ theo những vấn đề pháp lý do các cơ quan đặt ra, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với hoạt động Công ty, cộng đồng và xã hội đã góp phần xây dựng hình tượng vững mạnh trong thời gian dài. Do đó, với sự lãnh đạo đúng đắn, phù hợp của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo đã giúp lợi nhuận năm 2017 tăng đáng kể so với năm 2016, đồng thời vượt kế hoạch đề ra.

Mặt khác, Công ty còn tích cực thực hiện nghiên cứu công nghệ mới, kết hợp với việc bảo trì liên tục hệ thống máy móc nhằm đáp ứng 100% chỉ tiêu sản xuất đặt ra. Nhìn chung, tình hình sản xuất kinh doanh của Thép Dana - Ý đến cuối năm 2017 có sự tăng trưởng đáng kể, tạo ra giai đoạn tăng trưởng mới cho Công ty.

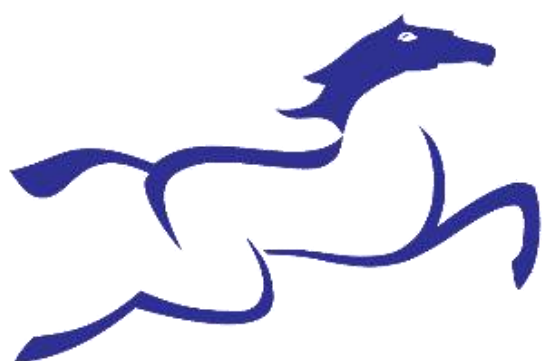


## Công tác kỹ thuật

Công ty hiện có mạng lưới bảo dưỡng thiết bị vững mạnh, đảm bảo cho hoạt động sản xuất được liền mạch, liên tục và đạt hiệu quả năng suất cao nhất.

Đưa vào ứng dụng thành công hệ thống dây chuyền sản xuất tích hợp hai công đoạn luyện thép và cán thép giảm tiêu hao đáng kể năng lượng.

Công ty hiện có 2 hệ thống luyện phôi với tổng công suất thiết kế 400.000 tấn/năm và 3 hệ thống cán thép công suất thiết kế tương đương công suất luyện phôi. Hệ thống này giúp Công ty đạt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đề ra tiêu hao nguyên liệu vật tư thấp, giá thành hạ so với giá thành bình quân trong ngành.



## Tiêu thụ

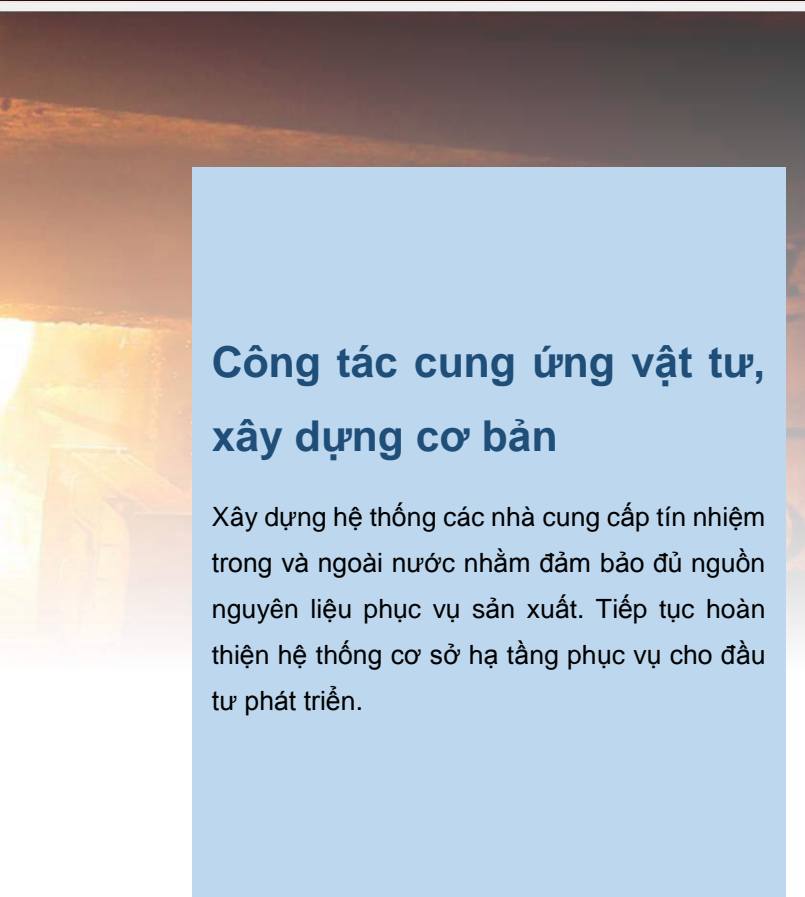
Mở rộng mạng lưới phân phối khắp các tỉnh miền Trung, đặc biệt tại các thị trường mới Bắc miền Trung. Đẩy mạnh công tác marketing, đưa sản phẩm vào các công trình lớn. Tăng cường công tác tuyên truyền quảng cáo sản phẩm bằng nhiều hình thức, đưa hình ảnh Công ty đến với công chúng.





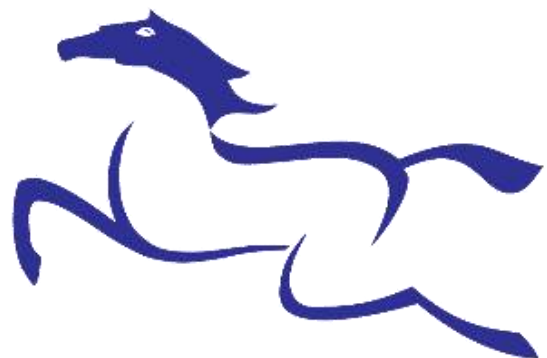
## Công tác kế toán

Tuân thủ và thực hiện đúng chế độ kế toán, quản lý chặt chẽ tài sản Công ty. Không để xảy ra sai sót trong quá trình kế toán thống kê. Quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng, linh hoạt trong công tác tài chính đảm bảo sự ổn định cho nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh.



## Công tác cung ứng vật tư, xây dựng cơ bản

Xây dựng hệ thống các nhà cung cấp tín nhiệm trong và ngoài nước nhằm đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho đầu tư phát triển.

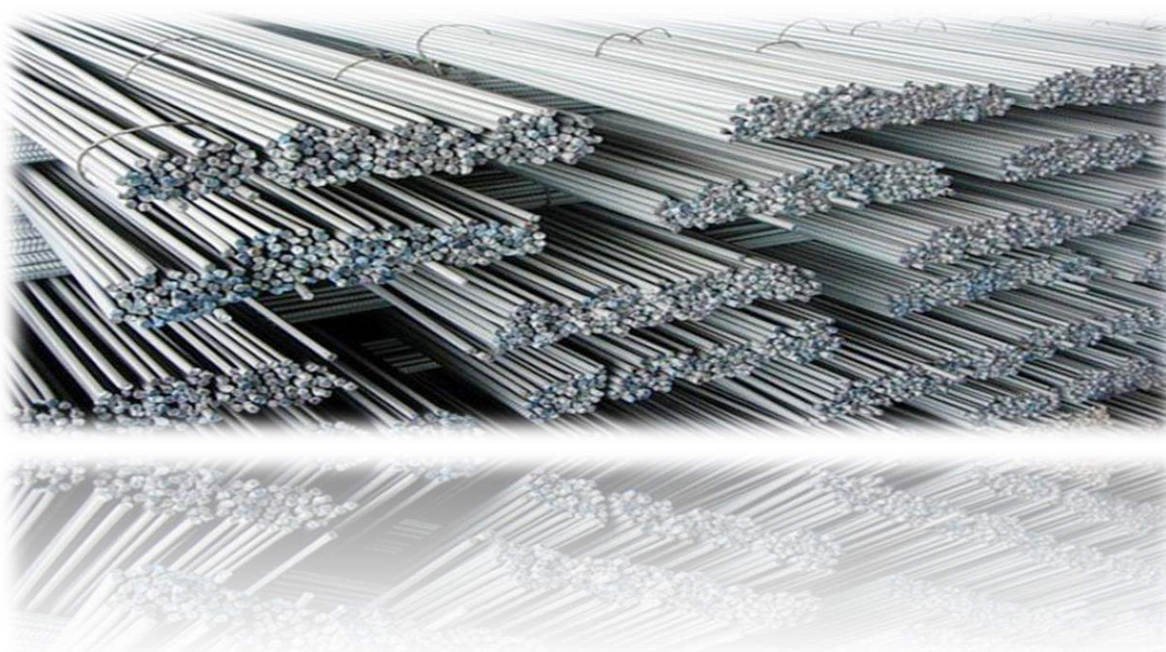


**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>1.422.054</b>	<b>1.285.318</b>	<b>1.233.091</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.523	48.877	81.846
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000	15.563	25.384
Các khoản phải thu ngắn hạn	204.461	172.480	99.749
Hàng tồn kho	1.157.951	1.039.519	1.013.429
Tài sản ngắn hạn khác	33.118	8.879	12.683
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>1.048.175</b>	<b>1.036.243</b>	<b>972.408</b>
Tài sản cố định	718.200	891.846	741.100
Tài sản dở dang dài hạn	325.438	135.658	221.721
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.600	1.600	1.600
Tài sản dài hạn khác	2.937	7.139	7.987
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>2.470.229</b>	<b>2.321.560</b>	<b>2.205.499</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2.113.177</b>	<b>1.973.593</b>	<b>1.816.045</b>
Nợ ngắn hạn	1.407.339	1.273.845	1.194.389
Nợ dài hạn	705.838	699.748	621.656
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>357.052</b>	<b>347.967</b>	<b>389.454</b>
Vốn chủ sở hữu	357.052	347.967	389.454
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>2.470.229</b>	<b>2.321.560</b>	<b>2.205.499</b>

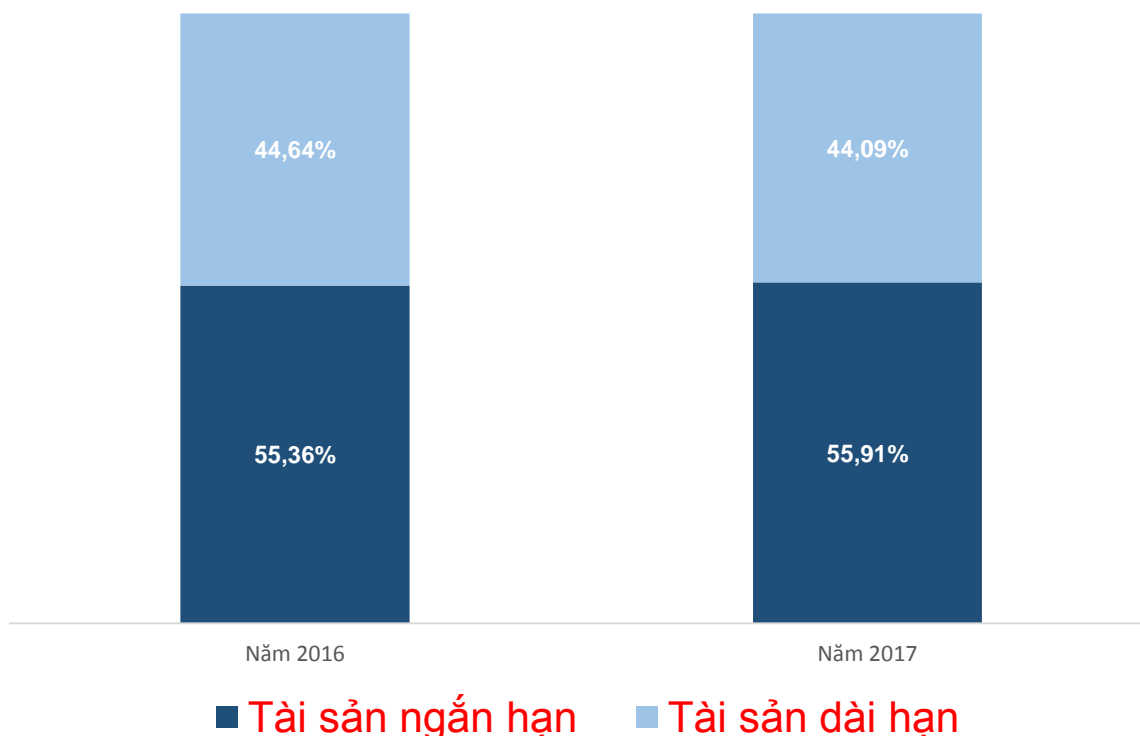


Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.321.560</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.205.499</b>	<b>100,00%</b>
Tài sản ngắn hạn	1.285.318	55,36%	1.233.091	55,91%
Tài sản dài hạn	1.036.243	44,64%	972.408	44,09%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2.321.560</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.205.499</b>	<b>100,00%</b>
Nợ ngắn hạn	1.273.845	54,87%	1.194.389	54,16%
Nợ dài hạn	699.748	30,14%	621,656	28,19%
Nguồn vốn chủ sở hữu	347.967	14,99%	389.454	17,66%





## Tình hình tài sản



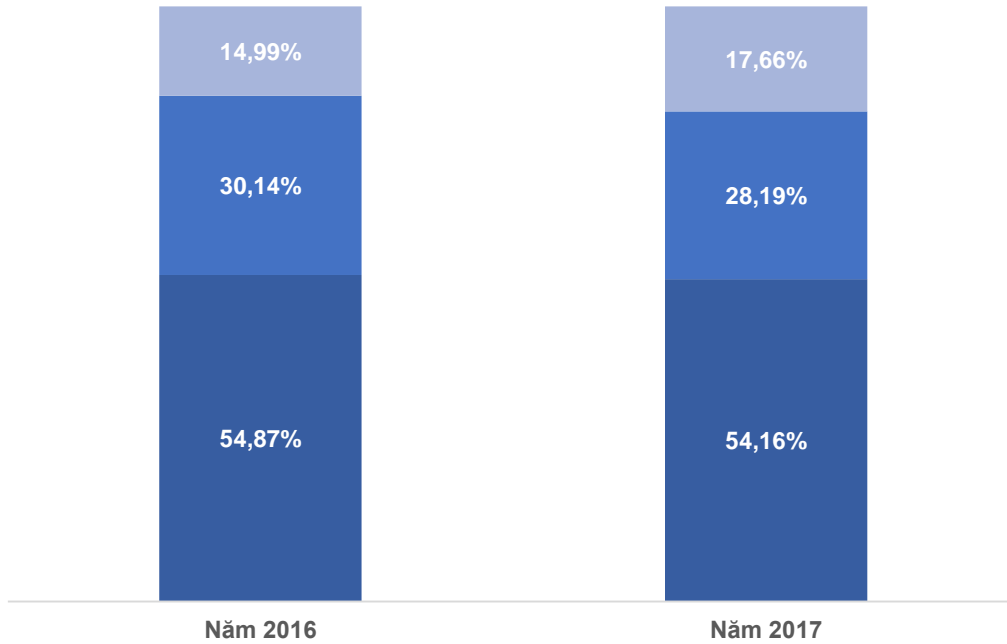
Nhìn chung từ năm 2015 - 2017, tình hình tài sản ngắn hạn giảm dần qua các năm, cụ thể tài sản ngắn hạn đạt 1.233 tỷ đồng, giảm 4,05% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do tập trung giảm ở các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản gồm hàng tồn kho đạt 1.013 tỷ đồng, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2016 vì trong năm 2017 tình hình thị trường bất động sản và xây dựng khôi phục trở lại đã tác động tích cực đến thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng, trong đó có ngành thép. Góp phần đẩy lượng hàng tồn kho của Thép Dana - Ý xuống thấp, kết hợp với chính sách hạn chế hàng tồn kho của Công ty. Đồng thời, Công ty còn dùng toàn bộ hàng tồn kho là thành phẩm luyện, cán và nguyên liệu để thế chấp cho những khoản vay ngân hàng, v.v... Ngoài ra, tài sản ngắn hạn giảm xuất phát từ khoản phải thu ngắn hạn, tính đến ngày 31/12/2017 đạt gần 100 tỷ đồng, giảm 41,86% so với cùng kỳ năm

2016, do được thanh toán ngay trong năm bởi những khách hàng uy tín như Công ty TNHH TM & DV Xuân Tiến, Công ty TNHH TM DV Tứ Hưng, Công ty TNHH TM & DV Lập Thịnh, v.v... góp phần hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn của Công ty.

Năm 2017, tổng tài sản giảm thể hiện ở cả tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn. Trong đó, tài sản dài hạn đạt 972 tỷ đồng, giảm 6,16% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là giá trị đầu tư trong năm của Công ty chưa bù đắp được khoản khấu hao tài sản cố định. Tuy nhiên, tình hình này không ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động của Công ty, thay vào đó các khoản mục đầu tư như nâng cấp dây chuyền Luyện – Cán 2, đầu tư lò luyện Trung tần 12 tấn và 30 tấn, cải tiến dây chuyền cán 1, v.v... đang được Công ty đẩy mạnh hoàn thành nhanh chóng nhằm đưa vào hoạt động trong thời gian sớm nhất.



## Tình hình nguồn vốn



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn ■ Nguồn vốn chủ sở hữu

Nhìn chung các khoản mục làm giảm cơ cấu vốn tập trung chủ yếu vào nợ phải trả, cụ thể nợ phải trả đạt 1.194 tỷ đồng, giảm 0,72% so với cùng kỳ năm 2016. Nguyên nhân là do trong năm 2017 Công ty tiến hành thanh toán những khoản vay nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Đồng thời, khoản phải trả người bán dài hạn 68 tỷ cũng được Công ty tất toán trong năm. Ngoài ra, khoản vay nợ thuê tài chính ngắn và dài hạn còn lại tính đến cuối năm 2017 được đảm bảo bằng hàng tồn kho.

Mặt khác, tình hình hoạt động của ngành được cải thiện nhờ vào thị trường bất động sản và xây dựng tăng trưởng trở lại, đồng thời Chính

phủ hỗ trợ áp dụng biện pháp phòng vệ giá đã giúp vị thế ngành thép trong nước duy trì thị phần. Ngoài ra, Công ty còn đẩy mạnh nâng cấp hệ thống máy móc nhằm nâng cao công suất đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của thị trường. Điều này đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017, cụ thể lợi nhuận sau thuế đạt gần 70 tỷ đồng, tăng gần 4 lần so với cùng kỳ năm 2016. Những tín hiệu tích cực của thị trường phối hợp với chính sách, kế hoạch đúng đắn, phù hợp là cơ hội giúp Công ty tăng trưởng trong năm và tạo triển vọng phát triển bền vững ở tương lai của sản phẩm Thép Dana - Ý.



## KẾ HOẠCH NĂM 2018

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, TỒN KHO VÀ DOANH THU

TT	Hạng mục	ĐVT	1	2	3	Cộng
<b>1</b>	<b>Sản lượng</b>					
	Phôi thép	Tấn			0	<b>260.000</b>
	Thép cán	Tấn	50.000	80.000	70.000	<b>200.000</b>
<b>2</b>	<b>Tồn kho đầu kỳ (+)</b>					
	Phôi thép	Tấn				<b>10.000</b>
	Thép cán	Tấn	5.000	20.000	5.000	<b>30.000</b>
<b>3</b>	<b>Tồn kho cuối kỳ (-)</b>					
	Phôi thép	Tấn				<b>10.000</b>
	Thép cán	Tấn	5.000	20.000	5.000	<b>30.000</b>
	Thép phôi cho cán	Tấn	53.000	84.000	74.200	<b>211.200</b>
<b>4</b>	<b>Số lượng sản phẩm bán</b>					
	Phôi thép	Tấn				<b>48.800</b>
	Thép cán	Tấn	50.000	80.000	70.000	<b>200.000</b>
<b>5</b>	<b>Doanh thu (chưa VAT)</b>					
	Phôi thép	Giá bán				<b>561.200.000</b>
	Thép cán	Giá bán	640.000.000	1.024.000.000	896.000.000	<b>2.560.000.000</b>



Việc Trung quốc công bố kế hoạch nâng cấp- tái cấu trúc ngành thép với các mục tiêu cụ thể: Giảm công suất từ 1.13 tỷ tấn/năm xuống còn 1 tỷ tấn năm 2020; Tập trung sản lượng vào 10 cỡ cỡ lớn nhất chiếm từ 34.2% năm 2015 lên 60% năm 2020; Sản xuất thép thô giảm từ 808 Tr. tấn năm 2016 xuống còn 750-800 Triệu tấn vào năm 2020; Năm 2016 Trung quốc yêu cầu đóng cửa và dỡ bỏ các thiết bị sản xuất lạc hậu nhằm giảm công suất dư thừa cũng làm hạ áp lực cạnh tranh đối với ngành thép Việt Nam.

Dựa vào nội dung phân tích trên đây Công ty Cổ phần thép Dana-Y thống nhất chương trình hành động như sau:

- Tiếp tục ổn định tổ chức , kiện toàn bộ máy lãnh đạo chuẩn bị tốt nhân sự HDQT và BKS giới thiệu đề cử trong đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các phong ban tham mưu phối hợp chặt chẽ với các đối tác và hệ thống phân phối của Công ty. Điều hành linh hoạt và có những chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn.
- Tăng cường công tác nghiên cứu áp dụng các giải pháp KT-CN tiên tiến nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường. Hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án đã triển khai năm 2017
- Tăng cường nghiên cứu mở rộng thị trường, tiếp cận các thị trường ngoài khu vực truyền thống.
- Quan tâm hơn nữa công tác đào tạo nhân lực tiếp cận ứng dụng KT số trong SX-KD từng bước tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của SP thép.

Phấn đấu đạt các chỉ tiêu:

STT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng doanh thu		3.121.200
	Phôi thép	Triệu đồng	561.200
	Thép cán	Triệu đồng	2.560.000
2	Giá vốn		2.933.999
	Phôi thép	Triệu đồng	517.914
	Thép cán	Triệu đồng	2.416.085
3	Chi phí gián tiếp		99.187
	Chi phí bán hàng	Triệu đồng	25.000
	Chi phí QLDN	Triệu đồng	20.000
	Chi phí tài chính	Triệu đồng	54.187
4	Lợi nhuận trước thuế		88.014
	Thuế TNDN (Thuế suất 20%)	Triệu đồng	17.602,8
	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	70.411,2



# Đánh giá của Hội đồng quản trị



# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✚ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
- ✚ **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**
- ✚ **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



## ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	% Tăng/Giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	1.723.949	1.985.857	2.366.162	19,2%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.723.774	1.985.847	2.365.987	19,1%
Giá vốn hàng bán	1.629.656	1.866.353	2.179.211	16,8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	94.117	119.494	186.775	56,3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.486	23.040	87.696	280,6%
Lợi nhuận khác	4.168	-104	454	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.654	22.935	88.150	384,35%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.269	18.329	70.403	384,1%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	291	679	2.608	384,1%



Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch		Thực hiện		% Thực hiện so với kế hoạch	
		Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017
Tổng doanh thu	Triệu đồng	2.400.000	2.930.000	1.992.754	2.374.108	83,0%	81,0%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	57.525	65.000,0	18.329	70.403	31,9%	108,3%
Sản lượng phôi thời	Tấn	300.000	300.000	243.424	221.682	81,1%	73,9%
Sản lượng cán	Tấn	250.000	250.000	209.266	165.493	83,7%	66,2%

Qua kết quả hoạt động trong năm 2017, cho thấy được sự cải thiện đáng kể trong chính sách và kế hoạch đúng đắn và phù hợp của Hội đồng quản trị đối với Ban lãnh đạo Công ty. Thể hiện qua tổng doanh thu đạt 2.374 tỷ đồng, tăng 19,14% so với cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 2.366 tỷ đồng, tăng 19,14% so với cùng kỳ năm 2016, đồng thời lợi nhuận sau thuế đạt 70 tỷ, tăng gần gấp 4 lần so với cùng kỳ năm 2016. Ngoài ra, sự phục hồi trở lại của thị trường bất động sản và xây dựng, cộng thêm Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách thuế tự vệ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp ngành thép trong

nước đã đóng góp vào sự tăng trưởng ấn tượng trong năm của Công ty. Ngành thép của nước ta vẫn còn phụ thuộc nguồn nguyên liệu nhập khẩu khá lớn, do đó chi phối mạnh đến chi phí và giá bán sản phẩm thép trong nước, trong đó có thép Dana - Ý. Cụ thể, tình hình chung về giá vốn hàng bán đạt 2.179 tỷ đồng, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm 2016, tuy nhiên khoản mục này lại chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (92,14%). Do đó, lợi nhuận gộp mang lại chiếm tỷ trọng khá thấp và được xem là tình trạng chung của toàn ngành thép trong nước ta.



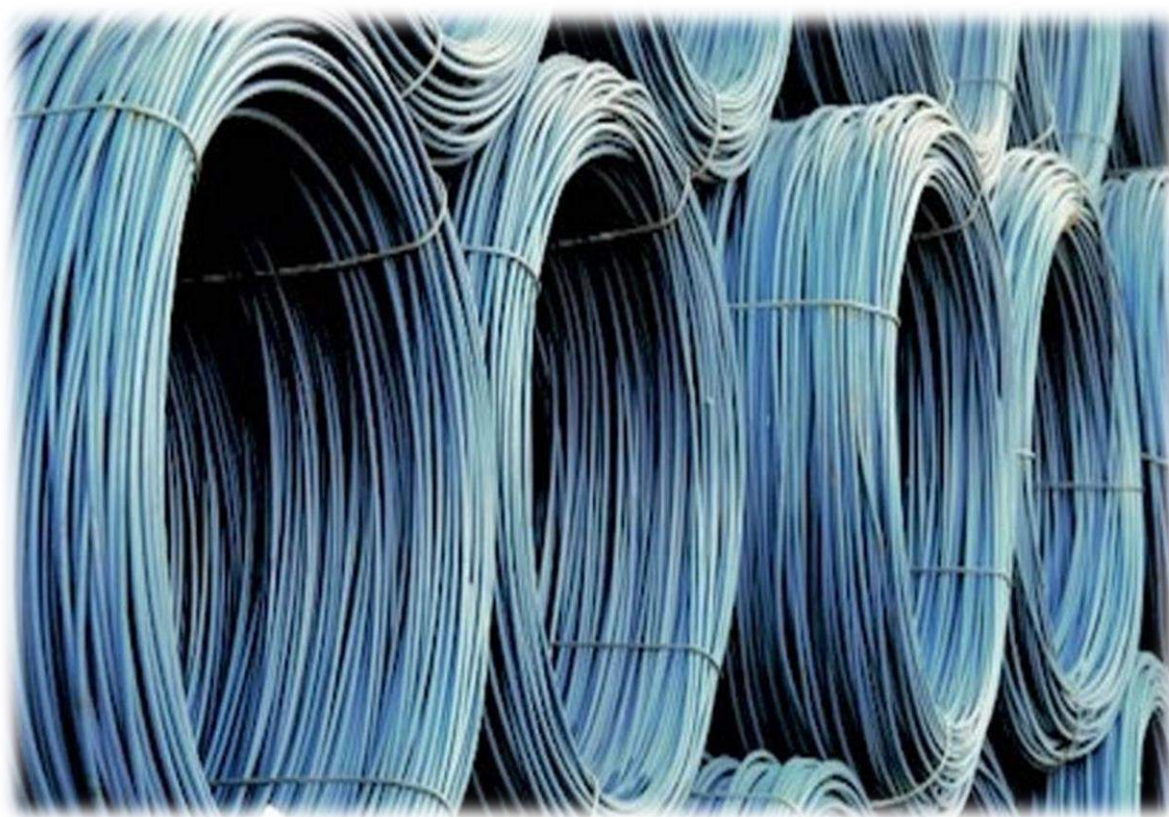




### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

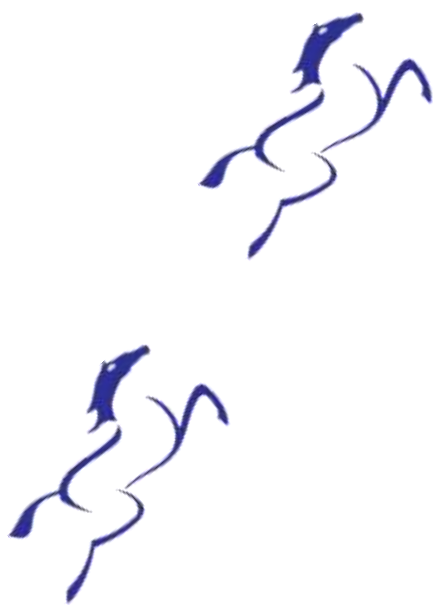
Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể là:

- Ban Tổng Giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
- Các khoản chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016.
- Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
- Thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế trong năm 2017 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông. Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước.





## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2018



Bước vào năm 2018, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, dòng vốn đầu tư tiếp tục chảy mạnh sau một loạt chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Cùng với thông điệp mạnh mẽ từ chính phủ "**KỶ CƯƠNG, LIÊM CHÍNH, HÀNH ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ HIỆU QUẢ, HÃY HÀNH ĐỘNG VÀ HÀNH ĐỘNG MẠNH MẼ, QUYẾT LIỆT HƠN ĐỂ CHỚP LẤY THỜI CƠ, ĐÃ NÓI LÀ LÀM VÀ LÀM NGAY**" Chính phủ đã xác định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2018 là 6,5-6,7% theo đó nhiều dự án hạ tầng, xây dựng, bất động sản sẽ được triển khai sẽ là động lực cho ngành thép đứng vững và phát triển. Dự báo tăng trưởng ngành thép năm 2018 đạt 20-22% so với năm 2017 trong đó thép xây dựng tăng vào khoảng 10%

Cùng với tín hiệu lạc quan với ngành thép Việt nam, ngành thép khu vực cũng mang lại sự phấn khởi mới. Trong bối cảnh tình hình thế giới chuyển biến đa chiều, ngành thép ASEAN vẫn được đánh giá là khu vực năng động, GDP tăng trưởng mạnh, IFM dự báo tốc độ tăng trưởng mạnh, hy vọng trong năm 2018 giữ được mức tăng 5,2%.

Việc Trung quốc công bố kế hoạch nâng cấp - tái cấu trúc ngành thép với các mục tiêu cụ thể: Giảm công suất từ 1.13 tỷ tấn/năm xuống còn 1 tỷ tấn năm 2020, tập trung sản lượng vào 10 cỡ sở lớn nhất chiếm từ 34.2% năm 2015 lên 60% năm 2020, sản xuất thép thô giảm từ 808 triệu tấn năm 2016 xuống còn 750-800 triệu tấn

vào năm 2020. Năm 2016 Trung quốc yêu cầu đóng cửa và dỡ bỏ các thiết bị sản xuất lạc hậu nhằm giảm công suất dư thừa cũng làm hạ áp lực cạnh tranh đối với ngành thép Việt nam.

Dựa vào nội dung phân tích trên đây Công ty Cổ phần thép Dana-Y thống nhất chương trình hành động như sau:

- ❖ Sản lượng sản xuất
  - Phôi thép : 260.000 tấn/năm
  - Thép xây dựng : 200.000 tấn/năm
- ❖ Sản lượng tiêu thụ
  - Phôi thép : 50.000 tấn/năm
  - Thép xây dựng : 200.000 tấn/năm
- ❖ Tổng Doanh thu : 3.121 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : 70 tỷ đồng



# Quản trị Công ty



# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✦ Hội đồng quản trị
- ✦ Ban kiểm soát
- ✦ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Thành viên của Hội đồng quản trị

Tổng kết năm 2017, Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng nhiệm vụ được giao phó, hoạt động theo đúng Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và Luật Doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi giúp Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các chỉ tiêu do Đại Hội đồng cổ đông đề ra.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	22/02/2008
2	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT	01/05/2016
3	Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	30/06/2013
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	30/06/2013
5	Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	30/06/2013

### Hoạt động của thành viên độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn và chức năng của mình, và theo sự phân công trong Hội đồng Quản trị.

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có.



## Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	5	100%
2	Ông Nguyễn Chí Kiên	Phó Chủ tịch HĐQT	5	100%
3	Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT	5	100%
4	Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	5	100%
5	Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	5	100%

## Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	0112017/NQHĐQT	12/04/2017	Ký kết hồ sơ, văn kiện bản liên quan đến dự án di dời giải tỏa thông Vân Dương
2	34/20 17/NQ-HĐQT	16/05/2017	Vay vốn bảo lãnh và đảm bảo cấp tín dụng tại Viettinbank
3	03/2017/NQHĐQT	21/07/2017	Kế hoạch vay vốn năm 2017



## BAN KIỂM SOÁT



### Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS
1	Bà Huỳnh Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm Soát	30/06/2013
2	Ông Huỳnh Duy Cường	Thành viên	30/06/2013
3	Bà Phạm Thị Thu Sương	Thành viên	30/06/2013

### Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:

- ✚ Giám sát hoạt động quản trị và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- ✚ Thường xuyên kiểm tra, giám sát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- ✚ Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn của báo cáo tài chính.
- ✚ Tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định.





## CÁC GIAO DỊCH, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao 2017 (đồng)
<b>Hội đồng quản trị</b>			
1	Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	536.250.000
2	Nguyễn Chí Kiên	Phó chủ tịch HĐQT	42.900.000
3	Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	357.500.000
4	Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	263.120.000
5	Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	42.900.000
<b>Ban kiểm soát</b>			
1	Huỳnh Thị Loan	Trưởng ban	42.900.000
2	Huỳnh Duy Cường	Thành viên	14.300.000
3	Phạm Thị Thu Sương	Thành viên	14.300.000





# Báo cáo tài chính



# **“Công nghệ vượt trội đến từ Châu Âu”**



- ✦ **Bảng cân đối kế toán**
- ✦ **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- ✦ **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- ✦ **Thuyết minh báo cáo tài chính**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THÉP DANA - Ý**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 35

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001911 ngày 27/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/03/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400605391.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông với mã chứng khoán DNY tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 11/05/2010 theo Quyết định số 245/QĐ-SGDHN ngày 28/04/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Vốn điều lệ:** 269.995.170.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017:** 269.995.170.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường số 11B, KCN Thanh Vinh, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3841182 - 3841000
- Fax: (84) 0236.3730718
- Website: [www.thepdana-y.com](http://www.thepdana-y.com)
- Email: [dny@thepdanang-y.com](mailto:dny@thepdanang-y.com)

### Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào đầu: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại: gia công cơ khí.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2017 là 830 người. Trong đó cán bộ quản lý là 72 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                       |              |                              |
|-----------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Huỳnh Văn Tân   | Chủ tịch     | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013 |
| • Ông Nguyễn Chí Kiên | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01/05/2016     |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                          |            |                              |
|--------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Phan Thị Thảo Sương | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013 |
| • Ông Hồ Nghĩa Tín       | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013 |
| • Ông Phan Xuân Thiện    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2013     |

### *Ban Kiểm soát*

- |                         |            |                              |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Huỳnh Thị Loan     | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013 |
| • Ông Huỳnh Duy Cường   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2013 |
| • Bà Phạm Thị Thu Sương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2013     |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                           |                   |                          |
|---------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Huỳnh Văn Tân       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 01/08/2013 |
| • Ông Hồ Nghĩa Tín        | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/08/2013 |
| • Bà Phan Thị Thảo Sương  | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2008 |
| • Bà Trần Mai Thị Bé Liễu | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 01/03/2008 |

### **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 01/3/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Đà Nẵng có thông báo số 20/TB-UBND về ý kiến kết luận của Chủ tịch và các phó Chủ tịch UBND Thành phố liên quan đến kiến nghị của các hộ dân thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang. Để giải quyết các kiến nghị của các hộ dân về việc di dời, giải tỏa tại khu vực nhà máy, trong khi chờ ý kiến chỉ đạo giải quyết của Lãnh đạo thành phố, Công ty được yêu cầu tạm dừng toàn bộ hoạt động sản xuất trực tiếp (luyện, nấu) gây ô nhiễm môi trường kể từ ngày 28/02/2018. Riêng các hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, xuất nhập hàng hóa và các hoạt động hành chính khác của Công ty vẫn cho phép hoạt động bình thường.

### **Kiểm toán độc lập**

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### **Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

## **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
THÉP  
DANA - Ý

Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 503/2018/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép DANA - Ý**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép DANA - Ý (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2018, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 37 "Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán", Công ty đã tạm dừng toàn bộ hoạt động sản xuất trực tiếp (luyện, nấu) kể từ ngày 28/02/2018 theo chỉ đạo tại Thông báo số 20/TB-UBND ngày 01/3/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Đà Nẵng. Đến ngày 23/03/2018 UBND Thành phố đã có Quyết định số 30/TB-UBND thống nhất cho Công ty hoạt động sản



xuất thép trở lại kể từ ngày 26/03/2018 để xử lý những tồn tại và giảm thiểu các thiệt hại phát sinh khi ngừng hoạt động theo đúng quy định pháp luật. Trong thời gian này Công ty phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; không được thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất, không giao kết hợp đồng mua nguyên vật liệu là phế liệu để sản xuất thép. UBND Thành phố đồng thời giao cho các Sở ban ngành, trong thời gian không quá 06 tháng, tham mưu Ủy ban phương án dừng hoạt động sản xuất thép của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Báo cáo tài chính đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có liên quan đến ảnh hưởng của sự kiện này.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Trần Vũ Nguyên Hà – Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2333-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.233.091.651.344</b>	<b>1.285.317.527.014</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>81.846.349.284</b>	<b>48.876.625.310</b>
1. Tiền	111		5.956.349.284	41.676.625.310
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.890.000.000	7.200.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>25.383.845.694</b>	<b>15.563.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	25.383.845.694	15.563.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.749.534.404</b>	<b>172.479.941.243</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	71.229.011.766	130.918.401.793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	24.457.611.206	35.679.290.678
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.062.911.432	5.882.248.772
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>1.013.428.585.041</b>	<b>1.039.518.515.480</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.013.428.585.041	1.039.518.515.480
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.683.336.921</b>	<b>8.879.444.981</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	4.016.514.472	4.035.538.782
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.125.635.940	4.312.429.689
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	2.541.186.509	531.476.510
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>972.407.592.453</b>	<b>1.036.242.771.901</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>741.099.861.284</b>	<b>891.845.605.464</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	673.097.116.870	823.831.359.050
- Nguyên giá	222		1.458.081.536.140	1.453.457.040.903
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(784.984.419.270)	(629.625.681.853)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	68.002.744.414	68.014.246.414
- Nguyên giá	228		68.094.439.059	68.094.439.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.694.645)	(80.192.645)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>221.720.851.917</b>	<b>135.657.690.640</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	221.720.851.917	135.657.690.640
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.986.879.252</b>	<b>7.139.475.797</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	7.986.879.252	7.139.475.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.205.499.243.797</b>	<b>2.321.560.298.915</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.816.044.644.610</b>	<b>1.973.592.875.839</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.194.389.119.043</b>	<b>1.273.844.936.772</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	643.378.838.598	555.035.156.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	20.158.057.745	29.104.367.837
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	17.654.414.573	4.606.907.459
4. Phải trả người lao động	314		13.792.200.010	9.168.144.509
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	505.537.108	721.720.653
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20a	6.655.255.914	7.887.941.369
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21a	491.614.291.236	668.191.940.690
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		630.523.859	(871.242.658)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>621.655.525.567</b>	<b>699.747.939.067</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	68.767.673.500
2. Phải trả dài hạn khác	337	20b	70.000.000.000	55.000.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21b	551.655.525.567	575.980.265.567
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>389.454.599.187</b>	<b>347.967.423.076</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>389.454.599.187</b>	<b>347.967.423.076</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	269.995.170.000	269.995.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		269.995.170.000	269.995.170.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	20.600	20.600
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	21.219.777.824	20.303.349.080
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22	512.773.974	3.512.773.974
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	97.726.856.789	54.156.109.422
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.323.734.934	35.827.534.538
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.403.121.855	18.328.574.884
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.205.499.243.797</b>	<b>2.321.560.298.915</b>



Chủ tịch HĐQT

Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Mai Thị Bé Liệu

Người lập biểu

Trần Mai Thị Bé Liệu

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	2.366.162.387.971	1.985.857.318.588
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		175.851.909	10.148.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		2.365.986.536.062	1.985.847.169.948
4. Giá vốn hàng bán	11	25	2.179.211.207.919	1.866.353.154.216
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>186.775.328.143</b>	<b>119.494.015.732</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.789.549.257	6.707.535.523
7. Chi phí tài chính	22	27	54.052.452.459	63.972.367.926
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		45.731.047.846	55.064.805.875
8. Chi phí bán hàng	25	28	30.788.381.528	19.805.021.914
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	21.028.290.671	19.384.550.692
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>87.695.752.742</b>	<b>23.039.610.723</b>
11. Thu nhập khác	31	29	1.156.176.798	188.902.899
12. Chi phí khác	32	30	702.461.934	293.031.279
13. Lợi nhuận khác	40		<b>453.714.864</b>	<b>(104.128.380)</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>88.149.467.606</b>	<b>22.935.482.343</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	17.746.345.751	4.606.907.459
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>70.403.121.855</b>	<b>18.328.574.884</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	2.608	645
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	2.608	645



Chủ tịch HĐQT

Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Mai Thị Bé Liệu

Người lập biểu

Trần Mai Thị Bé Liệu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		88.149.467.606	22.935.482.343
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12, 13	157.025.698.540	156.150.155.583
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	27	(245.086.204)	4.943.762.073
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26,3	(2.094.653.964)	(1.582.080.150)
- Chi phí lãi vay	06	27; 20a	45.731.047.846	55.064.805.875
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		288.566.473.824	237.512.125.724
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		68.793.325.275	59.470.145.093
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.089.930.439	118.432.870.619
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		24.658.353.741	(31.867.689.975)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(828.379.145)	(6.412.079.729)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(45.947.231.391)	(55.345.607.113)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.698.838.637)	(2.385.161.708)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(414.662.227)	(1.512.373.755)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>356.218.971.879</b>	<b>317.892.229.156</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(88.906.686.051)	(66.866.466.598)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		863.636.364	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(25.383.845.694)	(13.563.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		15.563.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26; 9	2.397.539.620	577.899.738
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(95.466.355.761)</b>	<b>(79.751.566.860)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.033.999.411.502	2.044.042.579.411
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.234.782.896.804)	(2.230.830.367.627)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.999.517.000)	(26.999.517.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(227.783.002.302)</b>	<b>(213.787.305.216)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>5</b>	<b>32.969.613.816</b>	<b>24.353.357.080</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.876.625.310	24.523.263.314
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		110.158	4.916
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>81.846.349.284</b>	<b>48.876.625.310</b>



Chủ tịch HĐQT  
**THÉP DANA - Ý**  
 Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Mai Thị Bé Liệu

Người lập biểu

Trần Mai Thị Bé Liệu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Thép DANA – Ý (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001911 ngày 27/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 13/03/2014 với mã số doanh nghiệp là 0400605391.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sắt, thép, gang: sản xuất các loại thép xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: bán buôn sắt thép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân đầu vào đầu: bán buôn vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại: gia công cơ khí.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

#### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.6 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

**4.7 Tài sản cố định vô hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Quyền sử dụng đất**

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	5

**4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

**4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

**Chi phí đi vay**

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chi sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phân vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

**4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

**4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.19 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm phiêu, thép; Các sản phẩm khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**4.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

*Đơn vị tính: VND***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	108.673.075	105.472.659
Tiền gửi ngân hàng	5.847.676.209	36.089.412.648
Tiền đang chuyển	-	5.481.740.003
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn 1 tháng)	75.890.000.000	7.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>81.846.349.284</b>	<b>48.876.625.310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	25.383.845.694	15.563.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.383.845.694</b>	<b>15.563.000.000</b>

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Kết cấu thép BMF	-	29.998.545.287
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	37.020.120.884	-
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	12.016.117.465	-
Công ty TNHH TM DV Tứ Hưng	-	37.775.555.578
Cty TNHH TM & DV Xuân Tiên	14.774.567.336	36.137.510.180
Công Ty TNHH TM & DV Lập Thịnh	-	23.037.431.906
Các đối tượng khác	7.418.206.081	3.969.358.842
<b>Cộng</b>	<b>71.229.011.766</b>	<b>130.918.401.793</b>

**Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	37.020.120.884	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung C.ty đầu tư	-	29.998.545.287
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>29.998.545.287</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Ban giải tòa đền bù các dự án ĐTXD số 1 Đà Nẵng	12.779.865.570	12.779.865.570
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	4.277.648.745	19.442.382.052
Các đối tượng khác	7.400.096.891	3.457.043.056
<b>Cộng</b>	<b>24.457.611.206</b>	<b>35.679.290.678</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung C.ty đầu tư	4.277.648.745	19.442.382.052
<b>Cộng</b>		<b>4.277.648.745</b>	<b>19.442.382.052</b>

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Kết cấu thép BMF		-	696.012.724	-
CN Cty TNHH Yang Ming tại TPĐN	195.000.000			-
Tạm ứng	220.677.914	-	87.429.115	-
Ký quỹ ngắn hạn	-		198.218.530	-
Lãi dự thu	981.790.351	-	1.095.955.665	-
Công ty TNHH Hoàng Phương	958.062.271	-	769.905.461	-
Jaguar Steet & Coal Pte; TD	1.078.250.000	-	1.425.000.000	-
Stamcorp International PTE LTD		-	912.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XD & TM Sự Bình Phương	350.000.000	-	500.000.000	-
Công ty CP Giao nhận vận tải Miền Trung		-	152.000.000	-
Phải thu khác	279.130.896	-	45.727.277	-
<b>Cộng</b>	<b>4.062.911.432</b>	<b>-</b>	<b>5.882.248.772</b>	<b>-</b>

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	13.543.233.361	-	33.289.371.853	-
Nguyên liệu, vật liệu	670.737.490.577	-	682.644.129.537	-
Công cụ, dụng cụ	26.197.064.982	-	26.789.698.040	-
Thành phẩm	302.950.796.121		296.795.316.050	-
<b>Cộng</b>	<b>1.013.428.585.041</b>	<b>-</b>	<b>1.039.518.515.480</b>	<b>-</b>

Toàn bộ hàng tồn kho là thành phẩm luyện, thành phẩm cán và nguyên liệu tại ngày 31/12/2017 được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. Chi phí trả trước****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Pano quảng cáo	95.066.666	150.500.140
Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người	155.649.487	326.029.361
Vành cán bằng sắt có rãnh	-	18.059.580
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.765.798.319	3.540.949.701
<b>Cộng</b>	<b>4.016.514.472</b>	<b>4.035.538.782</b>

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Vành cán bằng sắt các loại	144.432.344	762.293.094
Vòng đồng cảm ứng lò 30T thay thế cho lò luyện phối 2	94.621.262	603.693.972
Chi phí sửa chữa lớn, công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.747.825.646	5.773.488.731
<b>Cộng</b>	<b>7.986.879.252</b>	<b>7.139.475.797</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	266.513.463.135	1.087.798.589.218	93.209.622.748	5.935.365.802	1.453.457.040.903
Mua sắm trong kỳ	-	4.507.947.430	2.824.363.636	-	7.332.311.066
T/lý, nhượng bán	-	-	2.707.815.829	-	2.707.815.829
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>266.513.463.135</b>	<b>1.092.306.536.648</b>	<b>93.326.170.555</b>	<b>5.935.365.802</b>	<b>1.458.081.536.140</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	61.143.899.709	505.868.773.345	59.007.537.625	3.605.471.174	629.625.681.853
Khấu hao trong kỳ	13.710.016.008	128.120.984.139	14.596.685.575	586.510.818	157.014.196.540
T/lý, nhượng bán	-	-	1.655.459.123	-	1.655.459.123
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>74.853.915.717</b>	<b>633.989.757.484</b>	<b>71.948.764.077</b>	<b>4.191.981.992</b>	<b>784.984.419.270</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	205.369.563.426	581.929.815.873	34.202.085.123	2.329.894.628	823.831.359.050
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>191.659.547.418</b>	<b>458.316.779.164</b>	<b>21.377.406.478</b>	<b>1.743.383.810</b>	<b>673.097.116.870</b>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay ngân hàng là: 641.790.722.346 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 93.285.206.121 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Không có cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất(*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	67.966.074.059	128.365.000	68.094.439.059
Tăng trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.966.074.059</b>	<b>128.365.000</b>	<b>68.094.439.059</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	80.192.645	80.192.645
Khấu hao trong kỳ	-	11.502.000	11.502.000
Giảm khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>91.694.645</b>	<b>91.694.645</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	67.966.074.059	48.172.355	68.014.246.414
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.966.074.059</b>	<b>36.670.355</b>	<b>68.002.744.414</b>

(\*) Đây là các quyền sử dụng đất lâu dài tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và Cụm công nghiệp Thanh Vinh mở rộng. Toàn bộ các quyền sử dụng đất trên đã được Công ty thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và trung hạn tại ngân hàng.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 70.855.000 đồng.

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2017	01/01/2017
Nâng cấp dây chuyền Luyện - cán thép 2	215.124.055.446	135.562.705.575
Đầu tư lò luyện trung tần 12 Tấn	4.383.266.850	-
Đầu tư lò luyện trung tần 30 Tấn	1.735.919.403	-
Cải tạo dây chuyền cán 1	422.196.582	-
Xây dựng cơ bản khác	55.413.636	94.985.065
<b>Cộng</b>	<b>221.720.851.917</b>	<b>135.657.690.640</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Tình hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	31/12/2017			01/01/2017		
				Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Cty liên kết									
- Công ty CP Vận tải PST Đà Nẵng	Đang hoạt động	160.000	20%	20%	1.600.000.000	-		1.600.000.000	-
<b>Cộng</b>					<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>		<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Phải trả người bán****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	103.629.580.201	162.753.077.625
Nippon Steel & Sumikin Bussan Corporation	62.530.770.359	20.810.870.820
Jfe Shoji Trade Corporation	84.332.936.180	-
Koden International Pte. LTD	35.937.886.680	-
Vitel Solutions Pte. LTD	40.841.949.600	-
Toyota Tsusho Corporation	108.231.189.180	91.057.672.900
Stamcorp International Pte. LTD	-	48.655.944.850
Các đối tượng khác	207.874.526.398	231.757.590.718
<b>Cộng</b>	<b>643.378.838.598</b>	<b>555.035.156.913</b>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

		31/12/2017	01/01/2017
		Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	103.629.580.201	162.753.077.625
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết	1.624.797.094	2.803.440.677
<b>Cộng</b>		<b>105.254.377.295</b>	<b>165.556.518.302</b>

**17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH MTV Kim Khí Thanh Tâm	357.522	6.037.871.365
Công ty TNHH TM Và DV Vận Tải Việt Hải	2.778.075	4.718.352.375
Công ty TNHH TM và DV Tứ Hưng	2.692.791.462	-
DN tư nhân Mỹ Chi	5.299.002.683	4.220.830.450
Công ty CP Kim Khí Miền Trung	742.013.613	3.688.421.275
Công ty CP Solds Ánh Minh	8.416.415.337	2.427.865.528
Công ty Cổ phần RICHICO	-	3.495.969.642
Các đối tượng khác	3.004.699.053	4.515.057.202
<b>Cộng</b>	<b>20.158.057.745</b>	<b>29.104.367.837</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế TNCN		123.275.095	900.419.872	804.041.400		26.896.623
Thuế GTGT phải nộp			11.979.233.341	11.979.233.341		-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		389.935.178	119.566.449.725	121.690.804.433	-	2.514.289.886
Thuế TNDN	4.606.907.459	-	17.746.345.751	4.698.838.637	17.654.414.573	-
Thuế nhập khẩu	-	-	2.256.441.938	2.256.441.938	-	-
Thuế nhà đất		18.266.237	56.841.606	38.575.369	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.606.907.459</b>	<b>531.476.510</b>	<b>152.508.732.233</b>	<b>141.470.935.118</b>	<b>17.654.414.573</b>	<b>2.541.186.509</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Trích trước chi phí lãi vay	505.537.108	721.720.653
<b>Cộng</b>	<b>505.537.108</b>	<b>721.720.653</b>

**20. Phải trả khác****a. Ngắn hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	231.100.209	263.302.926
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	759.030.948	765.096.994
Các khoản phải trả khác	5.665.124.757	6.859.541.449
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.609.967.362	3.064.083.251
- Phải trả cổ tức	235.475	235.475
- Phải trả Phan Thị Thảo Sương	-	812.556.689
- Công đoàn Công ty Cổ phần Thép Dana - Ý	1.061.556.477	1.361.506.477
- Phải trả khác	1.993.365.443	1.621.159.557
<b>Cộng</b>	<b>6.655.255.914</b>	<b>7.887.941.369</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
Ký quỹ dài hạn thực hiện hợp đồng:		
- Công ty TNHH TM & DV Xuân Tiến (hợp đồng đại lý)	40.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	30.000.000.000	30.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>55.000.000.000</b>

**c. Phải trả khác là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	2.609.967.362	3.064.083.251
<b>Cộng</b>		<b>2.609.967.362</b>	<b>3.064.083.251</b>

**21. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>634.020.740.698</b>	<b>1.907.664.507.350</b>	<b>2.077.390.956.794</b>	<b>464.294.291.254</b>
<b>Vay ngắn hạn bằng USD</b>				
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	5.501.033.412	99.288.550.270	9.882.329.002	94.907.254.680
Ngân hàng Công thương VN- CN Liên Chiểu	-	36.908.998.230	23.760.421	36.885.237.809
Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân	5.977.338.865	121.176.160.132	127.153.498.997	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	90.930.980.346	16.351.431.211	74.579.549.135
<b>Vay ngắn hạn bằng VND</b>				
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	233.170.085.190	397.646.609.093	617.834.881.520	12.981.812.763
Ngân hàng Công thương VN- CN Liên Chiểu	-	99.805.349.677	86.824.567.069	12.980.782.608
Ngân hàng Đầu tư & PT VN - CN Hải Vân	220.042.280.175	735.049.777.532	777.789.013.428	177.303.044.279
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đà Nẵng	23.906.353.533	14.458.950.599	38.365.304.132	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN ĐN	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN ĐN	49.983.141.139	186.631.656.226	182.764.412.538	53.850.384.827
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Trung Việt	95.440.508.384	125.767.475.245	220.401.758.476	806.225.153
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>34.171.199.992</b>	<b>28.757.800.000</b>	<b>35.609.000.010</b>	<b>27.319.999.982</b>
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	28.419.999.992	27.320.000.000	28.420.000.010	27.319.999.982
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đà Nẵng	5.751.200.000	1.437.800.000	7.189.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>668.191.940.690</b>	<b>1.936.422.307.350</b>	<b>2.112.999.956.804</b>	<b>491.614.291.236</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Vay dài hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
<b>Vay dài hạn</b>	<b>610.151.465.559</b>	<b>126.216.000.000</b>	<b>157.391.940.010</b>	<b>578.975.525.549</b>
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi (i)	85.825.149.414	-	-	85.825.149.414
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng (ii)	76.249.028.839	-	28.420.000.010	47.829.028.829
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đà Nẵng (iii)	7.189.000.000	-	7.189.000.000	-
+ Ông Huỳnh Văn Tân	149.303.326.400	71.712.000.000	29.435.000.000	191.580.326.400
+ Bà Phan Thị Thảo Sương	269.123.020.906	54.504.000.000	69.886.000.000	253.741.020.906
+ Ông Phan Xuân Thiện	22.461.940.000	-	22.461.940.000	-
<b>Cộng</b>	<b>610.151.465.559</b>	<b>126.216.000.000</b>	<b>157.391.940.010</b>	<b>578.975.525.549</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</b>	<b>34.171.199.992</b>			<b>27.319.999.982</b>
Ngân hàng NN&PTNT VN - CN Đà Nẵng	28.419.999.992			27.319.999.982
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Đà Nẵng	5.751.200.000			-
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>575.980.265.567</b>			<b>551.655.525.567</b>

- (i) Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi - cổ đông sáng lập của Công ty trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 04/04/2011. Ngày 30/06/2017, hai bên đã ký phụ lục hợp đồng số 100411-3/PLHĐTD gia hạn thời gian trả nợ bắt đầu từ 01/2019. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại cùng thời điểm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng. Lãi vay được trả vào ngày cuối cùng của tháng tính theo dư nợ thực tế đến ngày trả nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD\_DNY ngày 12/09/2013 nhằm cơ cấu lại nợ từ nguồn vốn ngắn hạn sang dài hạn để phục vụ mở rộng dự án dây chuyền luyện cán thép công suất 200.000 tấn/năm với hạn mức vay là 155 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Lãi suất tại thời điểm nhận nợ là 12%/năm và được điều chỉnh theo quy định hiện hành về lãi suất cho vay của Agribank Việt Nam và Giám đốc Agribank Chi nhánh Đà Nẵng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay: nhà xưởng, máy móc thiết bị của Nhà máy luyện thép công suất 250.000 tấn/năm.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số DAN.DN.03.050612/TT ngày 08/06/2012 nhằm bổ sung, bù đắp thiếu hụt vốn khi đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm với hạn mức vay là 50 tỷ đồng. Thời hạn trả nợ gốc của khoản vay là 72 tháng (trong đó có 12 tháng ân hạn) kể từ ngày 08/06/2013. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể; đồng thời khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất theo quy định của hợp đồng này/ kế ước nhận nợ, trường hợp lãi suất trong hạn sau khi điều chỉnh thấp hơn lãi suất tối thiểu do ACB quy định trong từng thời kỳ thì lãi suất trong hạn được áp dụng là lãi suất tối thiểu tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các lô đất số B15, B16, B17, B18 tại Khu công nghiệp Thanh Vinh và một số máy móc thiết bị theo hợp đồng số DAN.BDDN.03.050612/TT.
- (iv) Khoản vay dài hạn từ ông Huỳnh Văn Tân, bà Phan Thị Thảo Sương (Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty), nhằm huy động vốn bổ sung cho dự án đầu tư xây dựng Nhà máy luyện cán thép công suất 250.000 tấn/năm theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 71/2011/BB-HĐQT ngày 10/8/2011; Biên bản số 98/2012/BB-HĐQT ngày 02/02/2012; Biên bản số 80/2012/BB-HĐQT ngày 10/4/2012; Biên bản số 100/2012/BB-HĐQT ngày 15/8/2012; Biên bản số 05/2013/BB-HĐQT ngày 11/3/2013; Biên bản làm việc ngày 01/07/2014 và 31/12/2014; Phụ lục hợp đồng số 300617-1/PLHĐTD 30/06/2017 Phụ lục hợp đồng số 300617-2/PLHĐTD 30/06/2017.

Theo nội dung thống nhất giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị tại các biên bản trên, để giảm áp lực về lãi vay trong giai đoạn đầu tư cho Dự án, Hội đồng quản trị đồng ý gia hạn thời gian trả nợ đối với toàn bộ số dư tiền vay bắt đầu từ tháng 01 năm 2019 và không tính lãi đối với số dư nợ vay đến hết 31/12/2017. Đồng thời, Công ty được phép luân chuyển trả nợ cho khoản vay này khi có nguồn thu và vay lại khi có nhu cầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan**

		31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư	85.825.149.414	85.825.149.414
Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT Kiêm TGĐ	191.580.326.400	149.303.326.400
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT	253.741.020.906	269.123.020.906
Ông Phan Xuân Thiện	Thành viên HĐQT	-	22.461.940.000

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	269.995.170.000	20.600	19.889.906.190	3.099.331.084	64.067.380.208
Tăng trong kỳ	-	-	413.442.890	413.442.890	18.328.574.884
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	28.239.845.670
Số dư tại 31/12/2016	269.995.170.000	20.600	20.303.349.080	3.512.773.974	54.156.109.422
Số dư tại 01/01/2017	269.995.170.000	20.600	20.303.349.080	3.512.773.974	54.156.109.422
Tăng trong kỳ	-	-	916.428.744	-	72.403.121.855
Giảm trong kỳ	-	-	-	3.000.000.000 (*)	28.832.374.488
Số dư tại 31/12/2017	269.995.170.000	20.600	21.219.777.824	512.773.974	97.726.856.789

(\*) Đại hội cổ đông thường niên ngày 23/04/2017 đã quyết định chuyển Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu để bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi 1.000.000.000 đồng và bổ sung Lợi nhuận chưa phân phối 2.000.000.000 đồng.

**b. Cổ phiếu**

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.999.517	26.999.517
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.999.517	26.999.517
- Cổ phiếu phổ thông	26.999.517	26.999.517
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.999.517	26.999.517
- Cổ phiếu phổ thông	26.999.517	26.999.517
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 23/04/2017 đã quyết định trả cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 10%/vốn điều lệ (tương ứng 26.999.517.000 đồng). Ngày 24/08/2017, Công ty trả chi cổ tức số tiền 26.999.517.000 đồng.

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	54.156.109.422	64.067.380.208
Tăng từ Quỹ khác thuộc nguồn vốn CSH	2.000.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	70.403.121.855	18.328.574.884
Phân phối lợi nhuận	28.832.374.488	28.239.845.670
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	28.832.374.488	28.239.845.670
- Trích quỹ KTPL, quỹ thưởng Ban điều hành	916.428.744	413.442.890
- Trả cổ tức bằng tiền	26.999.517.000	26.999.517.000
- Quỹ đầu tư phát triển	916.428.744	413.442.890
- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	413.442.890
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>97.726.856.789</b>	<b>54.156.109.422</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 30/2017/NQHĐQT ngày 23/04/2017.

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- USD	855,17	505.634,81
- EUR	50,00	50,00

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty TNHH Việt Phú	922.078.000	Không còn khả năng thu hồi

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán thành phẩm	2.280.066.807.136	1.916.465.553.247
Doanh thu bán hàng hóa	86.092.170.629	62.860.310.341
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.410.206	6.531.455.000
<b>Cộng</b>	<b>2.366.162.387.971</b>	<b>1.985.857.318.588</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn thành phẩm đã bán	2.098.178.759.498	1.808.640.436.645
Giá vốn hàng hóa đã bán	81.032.448.421	54.354.791.808
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	3.357.925.763
<b>Cộng</b>	<b>2.179.211.207.919</b>	<b>1.866.353.154.216</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.856.174.306	1.378.498.545
Chiết khấu thanh toán nhanh	43.347.658	27.802.411
Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.200.000	240.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.642.729.098	2.441.934.255
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	245.086.204	-
Lãi bán hàng trả chậm, lãi ứng trước tiền hàng	2.575.011.991	2.619.300.312
<b>Cộng</b>	<b>6.789.549.257</b>	<b>6.707.535.523</b>

**27. Chi phí tài chính**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	45.731.047.846	55.064.805.875
Lãi ứng trước tiền mua hàng	4.405.533.651	2.119.269.437
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.915.870.962	1.844.530.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	4.943.762.073
<b>Cộng</b>	<b>54.052.452.459</b>	<b>63.972.367.926</b>

**28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	Năm 2017	Năm 2016
Phí sử dụng thương hiệu	11.500.000.000	11.400.000.000
Chi phí vận chuyển đường biển	12.484.125.889	2.221.550.740
Chi phí khác	6.804.255.639	6.183.471.174
<b>Cộng</b>	<b>30.788.381.528</b>	<b>19.805.021.914</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	Năm 2017	Năm 2016
Phí thanh toán (phí mở LC, phí chuyển tiền..)	6.964.201.855	6.473.896.750
Chi phí nhân viên quản lý	7.487.492.644	8.666.710.299
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.043.699.907	2.228.188.533
Các khoản khác	4.532.896.265	2.015.755.110
<b>Cộng</b>	<b><u>21.028.290.671</u></b>	<b><u>19.384.550.692</u></b>

**29. Thu nhập khác**

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	535.839.528	133.364.137
Các khoản khác	620.337.270	55.538.762
<b>Cộng</b>	<b><u>1.156.176.798</u></b>	<b><u>188.902.899</u></b>

**30. Chi phí khác**

	Năm 2017	Năm 2016
Lỗ do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	188.720.342	36.418.395
Phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	273.355.247	96.837.938
Năng suất giải phóng tàu	240.179.047	110.418.615
Các khoản khác	207.298	49.356.331
<b>Cộng</b>	<b><u>702.461.934</u></b>	<b><u>293.031.279</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.149.467.606	22.935.482.343
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	122.605.247	- 99.054.946
Điều chỉnh tăng	549.805.247	339.054.946
- Thuế lao HĐQT, BKS	92.400.000	112.800.000
- Chi phí khác	457.405.247	226.254.946
Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	427.200.000	240.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	427.200.000	240.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	88.272.072.853	23.034.537.289
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>17.746.345.751</b>	<b>4.606.907.459</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	17.654.414.572	4.606.907.459
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	91.931.179	-

**32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.403.121.855	18.328.574.884
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(916.428.744)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	916.428.744
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	70.403.121.855	17.412.146.140
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	26.999.517	26.999.517
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>2.608</b>	<b>645</b>

(\*) Điều lệ cũng như Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017 của Công ty không quy định mức trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo kế hoạch cho năm 2017; Do đó, chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” năm 2017 chưa loại trừ số liệu quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến trích lập. Số liệu này thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt mức quỹ trích lập sau này.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 thay đổi do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2017.

**33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.717.282.145.570	1.289.126.049.418
Chi phí nhân công	82.438.209.021	85.222.768.778
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.025.698.540	156.150.155.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.258.905.578	185.823.787.245
Chi phí khác bằng tiền	9.145.953.059	13.767.330.117
<b>Cộng</b>	<b>2.156.150.911.768</b>	<b>1.730.090.091.141</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là sản xuất kinh doanh thép và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

**35. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá nguyên liệu.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

*Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Do có các giao dịch mua hàng, bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

		31/12/2017	01/01/2017
<b>Tài sản tài chính</b>			
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	855,17	505.634,81
	EUR	50,00	50,00
<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
+ Phải trả người bán	USD	20.718.239,84	18.268.893,72
	HKD	1.102.274,00	1.102.274,00
	EUR	327.403,22	1.545.960,9

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ký hợp đồng mua hàng với các nhà cung cấp lớn, uy tín, chủ động theo dõi thị trường để nắm bắt tình hình biến động, từ đó đưa ra các quyết sách để kiểm soát được ảnh hưởng bởi biến động giá nguyên vật liệu đầu vào..

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách quản lý công nợ chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc công tác thu hồi nợ. Đối với các khách hàng mới, Công ty yêu cầu ứng trước 70 - 100% giá trị đơn hàng mới xuất hàng. Đối với các khách hàng cũ, Công ty yêu cầu thanh toán hết công nợ cũ mới được mua đơn hàng mới. Do đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	634.845.228.387	8.533.610.211	643.378.838.598
Chi phí phải trả	505.537.108	-	505.537.108
Vay và nợ thuê tài chính	491.614.291.236	551.655.525.567	1.043.269.816.803
Phải trả khác	5.665.124.757	70.000.000.000	75.665.124.757
<b>Cộng</b>	<b>1.132.630.181.488</b>	<b>630.189.135.778</b>	<b>1.762.819.317.266</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	555.035.156.913	68.767.673.500	623.802.830.413
Chi phí phải trả	721.720.653	-	721.720.653
Vay và nợ thuê tài chính	668.191.940.690	575.980.265.567	1.244.172.206.257
Phải trả khác	6.859.541.449	55.000.000.000	61.859.541.449
			-
<b>Cộng</b>	<b>1.230.808.359.705</b>	<b>699.747.939.067</b>	<b>1.930.556.298.772</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức cao nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền cũng như nhận được sự hỗ trợ của các cổ đông lớn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.846.349.284	-	81.846.349.284
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.383.845.694	-	25.383.845.694
Phải thu khách hàng	71.229.011.766	-	71.229.011.766
Phải thu khác	3.842.233.518	-	3.842.233.518
			-
<b>Cộng</b>	<b>182.301.440.262</b>	<b>-</b>	<b>182.301.440.262</b>

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.876.625.310	-	48.876.625.310
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.563.000.000	-	15.563.000.000
Phải thu khách hàng	130.918.401.793	-	130.918.401.793
Phải thu khác	5.794.829.657	-	5.794.829.657
			-
<b>Cộng</b>	<b>201.152.856.760</b>	<b>-</b>	<b>201.152.856.760</b>

**36. Thông tin về các bên liên quan****a. Các bên liên quan**

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	Công ty đầu tư
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Quảng cáo Sáng tạo Việt	Chung Công ty đầu tư
Ông Huỳnh Văn Tân	Chủ tịch HĐQT
Bà Phan Thị Thảo Sương	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Nghĩa Tín	Thành viên HĐQT
Ông Phan Xuân Thiệu	Thành viên HĐQT

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	198.964.185.630	400.250.303.652
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	14.897.159.699	15.956.056.520
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	41.540.886.888	53.365.289.059
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	224.432.562.684	116.164.530.020
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	14.595.570	81.243.178.841
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	-	44.550.000
<b>Vay và nợ dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Thành Lợi	-	34.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Tân	71.712.000.000	10.900.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	54.504.000.000	41.398.820.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	-	3.900.000.000
Ông Phan Xuân Thiện	-	800.000.000
<b>Trả gốc vay và nợ dài hạn</b>		
Ông Huỳnh Văn Tân	29.435.000.000	22.827.470.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	69.886.000.000	35.562.900.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	-	37.611.204.258
Ông Phan Xuân Thiện	22.461.940.000	66.784.000.000
<b>Lãi vay phát sinh</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	6.137.556.227	5.802.314.371
<b>Lãi ứng trước tiền hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.861.044.945	-
<b>Cổ tức nhận được</b>		
Công ty Cổ phần Vận tải PST Đà Nẵng	427.200.000	240.000.000
<b>Mượn tiền</b>		
Ông Huỳnh Văn Tân	-	100.000.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	1.253.000.000	703.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	7.240.000.000	7.932.556.689
Ông Phan Xuân Thiện	74.515.000	2.880.500.000
<b>Trả tiền</b>		
Ông Huỳnh Văn Tân	-	250.480.000
Ông Hồ Nghĩa Tín	-	553.000.000
Bà Phan Thị Thảo Sương	8.052.556.689	7.135.000.000
Ông Phan Xuân Thiện	-	3.360.500.000
<b>Thu lãi do ứng trước tiền hàng</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Lợi	2.575.011.991	1.400.077.699
Công ty Cổ phần Kết cấu thép BMF	-	848.873.332
<b>Lương thưởng của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc</b>		
Thù lao Hội đồng quản trị	869.880.000	818.520.000
	290.400.000	305.800.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 01/3/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố Đà Nẵng có thông báo số 20/TB-UBND về ý kiến kết luận của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND Thành phố liên quan đến kiến nghị của các hộ dân thuộc xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang. Để giải quyết các kiến nghị của các hộ dân về việc di dời, giải tỏa tại khu vực nhà máy, trong khi chờ ý kiến chỉ đạo giải quyết của Lãnh đạo thành phố, Công ty được yêu cầu tạm dừng toàn bộ hoạt động sản xuất trực tiếp (luyện, nấu) gây ô nhiễm môi trường kể từ ngày 28/02/2018. Riêng các hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, xuất nhập hàng hóa và các hoạt động hành chính khác của Công ty vẫn cho phép hoạt động bình thường.

Ngày 23/03/2018 UBND Thành phố đã có Quyết định số 30/TB-UBND thống nhất cho Công ty hoạt động sản xuất thép trở lại kể từ ngày 26/03/2018 để xử lý những tồn tại và giảm thiểu các thiệt hại phát sinh khi ngừng hoạt động theo đúng quy định pháp luật. Trong thời gian này Công ty phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường; không được thực hiện mở rộng hoạt động sản xuất, không giao kết hợp đồng mua nguyên vật liệu là phế liệu để sản xuất thép. UBND Thành phố đồng thời giao cho các Sở ban ngành, trong thời gian không quá 06 tháng tham mưu Ủy ban phương án dừng hoạt động sản xuất thép của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy và trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**38. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC



Huỳnh Văn Tân

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2018

**Kế toán trưởng**

Trần Mai Thị Bé Liệu

**Người lập biểu**

Trần Mai Thị Bé Liệu



*Đà Nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2018*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**HUYNH VĂN TÂN**

